QUỸ ETF DCVFMVNMIDCAP
DCVFMVNMIDCAP ETF

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số/*No*: 230426/2026-CBTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2026
Ho Chi Minh City, 23 April 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
State Securities Commission of Vietnam

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Hochiminh Stock Exchange

1. **Tên Công ty Quản lý quỹ**: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM (DCVFM).
***Name of Fund Management Company**: Dragon Capital Vietfund Management Joint Stock Company (DCVFM)*

   - Tên Quỹ ETF niêm yết: **Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP**
   Name of Fund: ***DCVFMVNMIDCAP ETF***
   - Mã chứng khoán: **FUEDCMID**
   Stock code: ***FUEDCMID***
   - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, TP. HCM.
   Head office address: 15th Floor, Me Linh Point Building, 02 Ngo Duc Ke, Saigon Ward, Ho Chi Minh City.
   - Điện thoại/*Phone*: 028-3825 1488 Fax: 028-3825 1489
   - Email: cskh@dragoncapital.com Website: http://dragoncapital.com.vn

2. **Nội dung thông tin công bố**: Về việc Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP (Mã chứng khoán: **FUEDCMID**) công bố Điều lệ ngày 23/04/2026.
Content of information disclosure:** Regarding the disclosure of DCVFMVNMIDCAP ETF (Stock Code:* ***FUEDCMID*) to disclose the Charter dated April 23, 2026.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ vào ngày 23/04/2026 tại đường dẫn http://dragoncapital.com.vn của công ty quản lý quỹ.
This information was published on the DCVFM's website on April 23, 2026 at the link www.dragoncapital.com.vn .

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.
We would like to commit that the information published above is true and fully responsible before the law for the content of the published information.

Tài liệu đính kèm
Attached documents

Điều lệ của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP.
Charter of DCVFMVNMIDCAP ETF.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

FOR AND ON BEHALF OF DRAGON CAPITAL VIETFUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY

Người được UQ CBTT

Authorized person



Lê Hoàng Anh

Le Hoang Anh

Quyền Giám đốc Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư Công ty DCVFM

Acting Director Investment Service Department of DCVFM



QUỸ ETF DCVFMVNMIDCAP

---o0o---

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

TP. Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2026

MỤC LỤC

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ **4**
2. CÁC ĐỊNH NGHĨA **6**
Chương I. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG **11**

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ 11
Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ 11
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức 11
Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP chào bán lần đầu .. 11
Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ 12
Điều 6. Công ty quản lý quỹ 12
Điều 7. Ngân hàng giám sát 12

Chương II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ **13**

Điều 8. Mục tiêu đầu tư 13
Điều 9. Chiến lược đầu tư 13
Điều 10. Hạn chế đầu tư 13
Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư 15

Chương III. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ **15**

Điều 12. Nhà đầu tư 15
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư 16
Điều 14. Tiêu chí, điều kiện tham gia giao dịch hoán đổi đối với nhà đầu tư 16
Điều 15. Sổ đăng ký nhà đầu tư 17
Điều 16. Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP và ngược lại (giao dịch sơ cấp) 18
Điều 17. Giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP trên Sở giao dịch chứng khoán (giao dịch thứ cấp) 23
Điều 18. Giá phát hành lần đầu và giá giao dịch hoán đổi 23
Điều 19. Chuyển nhượng phi thương mại 24

Chương IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ **24**

Điều 20. Đại hội nhà đầu tư 24
Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư 25
Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư 25
Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư 26

Chương V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ **28**

Điều 24. Ban đại diện quỹ 28
Điều 25. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ 29
Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ 30
Điều 27. Chủ tịch Ban đại diện quỹ 31
Điều 28. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ 31
Điều 29. Cuộc họp Ban đại diện quỹ 32
Điều 30. Biên bản họp Ban đại diện quỹ 32

Chương VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ **33**

Điều 31. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ 33
Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ 33
Điều 33. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ 37
Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ 38

Chương VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT **39**

Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát 39
Điều 36. Quyền, nghĩa vụ và hoạt động của Ngân hàng giám sát 39
Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát 41

Chương VIII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN 41

Điều 38. Các hoạt động được ủy quyền 41
Điều 39. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan 42
Điều 40. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan 42
Điều 41. Trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền 43
Điều 42. Chấm dứt hoạt động ủy quyền 44

Chương IX. THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG 44

Điều 43. Điều kiện lựa chọn Thành viên lập quỹ 44
Điều 44. Quyền và trách nhiệm của Thành viên lập quỹ 44
Điều 45. Tổ chức tạo lập thị trường 45

Chương X. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI 46

Điều 46. Điều kiện lựa chọn Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ 46
Điều 47. Hoạt động của Đại lý phân phối 46

Chương XI. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO 47

Điều 48. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán 47
Điều 49. Năm tài chính 47
Điều 50. Chế độ kế toán & báo cáo tài chính 47

Chương XII. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ 48

Điều 51. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ 48
Điều 52. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ 49

Chương XIII. LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ 56

Điều 53. Thu nhập của quỹ 56
Điều 54. Phân phối lợi nhuận 57
Điều 55. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả 57
Điều 56. Chi phí hoạt động của quỹ 59

Chương XIV. GIẢI THỂ QUỸ 60

Điều 57. Các điều kiện giải thể Quỹ 60
Điều 58. Trình tự, thủ tục giải thể quỹ 61

Chương XV. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH 63

Điều 59. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và Công ty quản lý quỹ 63

Chương XVI. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ 63

Điều 60. Công bố thông tin 63
Điều 61. Thay đổi Điều lệ 63
Điều 62. Đăng ký Điều lệ 63
Điều 63. Điều khoản thi hành 64

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 72
PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 73
PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 74

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.
- Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2022;
- Luật số 76/2025/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2025;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Luật số 56/2024/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 09 năm 2025;
- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ) và nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, có hiệu lực từ ngày 09 tháng 01 năm 2026;
- Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài Chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2025;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 02 tháng 11 năm 2024;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 12 tháng 02 năm 2026;

- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2021;
- Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 05 năm 2025;
- Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và Chứng chỉ Quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2021;
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
- Thông tư 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục;
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

2. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau:

"Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP "	Là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM.
"Công ty Quản lý Quỹ"	Là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (Sau đây gọi tắt là Công ty quản lý quỹ DCVFM), được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của UBCKNN, Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC-UBCK ngày 30/12/2020 của UBCKNN (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm), với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Công ty quản lý quỹ DCVFM được nhà đầu tư uỷ thác quản lý quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy đinh tại Chương VI của Điều lệ này.
"Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM"	(Sau đây gọi tắt là HOSE) là pháp nhân được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Việt Nam (VNX) nắm giữ 100% vốn điều lệ tại thời điểm thành lập hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của HOSE, VNX và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
"Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam"	(Sau đây gọi tắt là VSDC) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm một thành viên hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của VSDC và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
"Ngân hàng giám sát"	(Sau đây gọi tắt là Ngân hàng giám sát) Là Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam), theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm) và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07/05/2015 (và các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm), thực hiện các nghiệp vụ: (i) bảo quản, lưu ký các chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ, (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ này.
"Công ty kiểm toán"	Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP và nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại hội nhà đầu tư chỉ định.
"Thành viên lập quỹ"	Là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán và tự doanh chứng khoán hoặc Ngân hàng lưu ký, đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP với Công ty quản lý quỹ DCVFM.
"Tổ chức tạo lập thị trường"	Là công ty chứng khoán làm Thành viên lập quỹ được Công ty quản lý quỹ DCVFM lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho

	Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP. Công ty quản lý quỹ DCVFM có thể chỉ định một hoặc một số Thành viên lập quỹ làm tổ chức tạo lập thị trường của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP.
"Đại lý phân phối"	Là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP với Công ty quản lý quỹ và Thành viên lập quỹ.
"Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan"	Là Ngân hàng lưu ký, VSDC được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cung cấp một hoặc một số các dịch vụ quản trị quỹ đầu tư, dịch vụ đại lý chuyển nhượng.
"Điều lệ quỹ"	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
"Bản cáo bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán chứng chỉ quỹ, Công ty quản lý quỹ và các tổ chức có liên quan của Quỹ.
"Hợp đồng giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ DCVFM và Ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP.
"Nhà đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP.
"Đại hội nhà đầu tư"	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP.
"Ban đại diện quỹ"	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP, Công ty quản lý quỹ DCVFM và Ngân hàng giám sát.
"Vốn điều lệ"	Là số vốn huy động được trong đợt phát hành Chứng Chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Bản Cáo Bạch, Điều Lệ Quỹ
"Chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP "	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP. Mệnh giá chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.
"Lô chứng chỉ quỹ"	Một lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP bao gồm một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ. Lô chứng chỉ quỹ ETF là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP và Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Công ty quản lý quỹ có quyền điều chỉnh số lượng chứng chỉ quỹ trong một lô chứng chỉ quỹ ETF tuy nhiên vẫn phải bảo đảm một lô có không ít hơn một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ.
"Chỉ số tham chiếu/ chỉ số tham chiếu VNMidcap" (VNMidcap)	Là chỉ số giá được xây dựng từ rổ cổ phiếu thành phần của VNAllshare, gồm 70 công ty có giá trị vốn hóa sau VN30 đáp ứng tư cách tham gia vào bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định. Thông tin chi tiết của chỉ số này tham khảo tại trang thông tin điện tử của HOSE.

"Chứng khoán cơ cấu"	Là chứng khoán cơ sở có trong cơ cấu chỉ số tham chiếu của Quỹ, không bao gồm chứng khoán phái sinh.
"Danh mục chứng khoán cơ cấu"	Là danh mục bao gồm các chứng khoán cơ cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu và được Công ty Quản lý quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP. Danh mục chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: a) Bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số tham chiếu (danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu); b) Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu.
"Giá phát hành lần đầu"	Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư để thu lại danh mục chứng khoán cơ cấu. Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm giá dịch vụ phát hành quy định tại Khoản 10 Điều 16 của Điều lệ này.
"Giá giao dịch hoán đổi"	Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu từ Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và ngược lại. Giá giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy một lô chứng chỉ quỹ (hay còn gọi là giá phát hành) là mức giá mà Nhà Đầu Tư phải thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với giá dịch vụ phát hành. Giá giao dịch hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu (hay còn gọi là giá mua lại) là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi giá dịch vụ mua lại.
"Giá trị giao dịch"	Giá trị giao dịch trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng, bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ nhân với số lượng lô chứng chỉ quỹ được phân phối. Giá trị giao dịch trong giao dịch hoán đổi, bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi nhân với số lượng lô chứng chỉ quỹ giao dịch hoán đổi.
"Giá dịch vụ phát hành"	Là giá dịch vụ mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ phát hành này sẽ được quy định tại Khoản 10 Điều 16 của Điều lệ này.
"Giá dịch vụ mua lại"	Là giá dịch vụ mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu.

	Giá dịch vụ này được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ mua lại này sẽ được quy định tại Khoản 10 Điều 16 của Điều lệ này.
"Lợi tức quỹ"	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư.
"Năm tài chính"	Là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.
"Giá trị tài sản ròng của quỹ"	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP tại ngày gần nhất trước ngày định giá.
"Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ"	Bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP tại các Ngày định giá.
"Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ"	Bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP theo quy định Pháp luật, Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch.
"Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ"	(Sau đây gọi tắt là iNAV) là giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP được xác định trên cơ sở giá thị trường của chứng khoán cơ cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất, trong phiên giao dịch. Giá trị này được tính và cung cấp bởi Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM. Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. Giá trị tài sản ròng tham chiếu được cập nhật tối thiểu mười lăm giây một lần (15s) và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ DCVFM và trên hệ thống của Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM.
"Ngày làm việc"	Là ngày không phải là thứ bảy, chủ nhật các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật Việt Nam.
"Ngày định giá"	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ DCVFM xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP theo quy định pháp luật, Điều lệ Quỹ và Bản Cáo bạch.
"Hoán đổi danh mục"	Là việc đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP và ngược lại. Giao dịch này được thực hiện giữa Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP và Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều lệ này.
"Lệnh giao dịch hoán đổi"	Bao gồm lệnh mua, trong đó Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư yêu cầu quỹ tiếp nhận danh mục chứng khoán cơ cấu và phát hành các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP; và lệnh bán, trong đó Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư yêu cầu quỹ tiếp nhận các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu.
"Ngày giao dịch hoán đổi"	Là ngày mà Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP, thông qua Công ty quản lý quỹ DCVFM, phát hành và mua lại các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP từ Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo cơ chế hoán đổi danh mục.

"Thời điểm đóng sổ lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch hoán đổi. Thời điểm đóng sổ lệnh không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường trong ngày giao dịch hoán đổi của HOSE và được quy định cụ thể trong Bản cáo bạch, Điều lệ Quỹ. Thời điểm đóng sổ lệnh là 14 giờ 44 phút tại ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).
"Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư"	Là dịch vụ được Công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ; - Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ; - Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Hợp đồng đã ký với Công ty quản lý quỹ DCVFM.
"Dịch vụ đại lý chuyển nhượng"	Là dịch vụ được Công ty quản lý quỹ tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: - Lập và quản lý sổ chính; mở và theo dõi quản lý, hệ thống các tài khoản của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư; Xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; - Ghi nhận các lệnh hoán đổi danh mục, lệnh mua, lệnh bán của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính; - Hỗ trợ Thành Viên Lập Quỹ, nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.
"Người có liên quan"	Theo khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021.
"Các định nghĩa khác"	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan

Chương I.
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Tên Quỹ đầu tư:	Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP
Tên tiếng Anh:	DCVFMVNMIDCAP ETF
Địa chỉ liên hệ:	Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	+824 83825 1488
Fax:	+824 83825 1489
Website:	www.dragoncapital.com.vn

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Thời gian hoạt động của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng, và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức

1. Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP là quỹ đại chúng dạng mở, được hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ và chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP được niêm yết, giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM.
2. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP có nghĩa vụ thực hiện việc đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP và ngược lại. Giao dịch này được thực hiện giữa Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP và Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành và các điều kiện quy định tại Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.
3. Tài sản của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP được lưu ký và giám sát bởi Ngân hàng giám sát.
4. Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP là Đại hội nhà đầu tư.
5. Ban đại diện quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP sẽ do Đại hội nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP, Công ty quản lý quỹ DCVFM và Ngân hàng giám sát.
6. Công ty quản lý quỹ DCVFM do Đại hội nhà đầu tư chỉ định để quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP chào bán lần đầu

1. Tổng vốn của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP do vốn đóng góp của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư tạo thành.
2. Trong đợt chào bán lần đầu, mỗi nhà đầu tư đăng ký mua tối thiểu một (01) lô chứng chỉ quỹ, mỗi Thành viên lập quỹ đăng ký mua các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP theo thỏa thuận giữa Thành viên lập quỹ và Công ty quản lý quỹ DCVFM nhưng đảm bảo không thấp hơn một (01) lô chứng chỉ quỹ.
3. Việc tham gia góp vốn thành lập Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP của các Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được thực hiện bằng danh mục chứng khoán cơ cấu. Việc góp vốn bằng tiền chỉ được thực hiện trong một số trường hợp quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC. Danh mục chứng khoán cơ cấu và số lượng các lô chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP phân phối cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được xác định trên cơ sở chỉ số tham chiếu của ngày giao dịch cuối cùng trong đợt chào bán. Cơ chế, hình thức thanh toán, nguyên tắc xác định số lượng chứng chỉ quỹ phân phối cho nhà đầu tư trên cơ sở vốn góp bằng danh mục chứng khoán cơ cấu, thủ tục điều kiện thanh toán bổ sung bằng tiền được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.
4. Trình tự thủ tục điều kiện, đăng ký và góp vốn thành lập Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

5. Toàn bộ danh mục chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được phong tỏa tại VSDC. Ngay sau khi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, các tài sản này được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP mở tại Ngân hàng giám sát.

6. Vốn điều lệ đã huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP là sáu mươi (60) tỷ đồng Việt Nam và tương ứng với sáu mươi (60) lô chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP. Mệnh giá của mỗi chứng chỉ quỹ là mười ngàn (10.000) đồng.

7. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ DCVFM sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ

1. Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP chỉ định Công ty quản lý quỹ DCVFM làm đại diện duy nhất huy động vốn và phát hành chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ DCVFM được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP ra công chúng.

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM).

Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC-UBCK ngày 30/12/2020 của UBCKNN (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

Công ty quản lý quỹ DCVFM là Công ty quản lý quỹ chính thức của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP. Công ty hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan (nếu có).

Công ty quản lý quỹ DCVFM có trụ sở chính tại:

Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, số 02 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-28)-3825 1488 Fax: (84-28)-3825 1489

Website: www.dragoncapital.com.vn

Điều 7. Ngân hàng giám sát

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam), là Ngân hàng 100% vốn nước ngoài, được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm) và giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/05/2015 (và các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm), cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.

Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ này.

Trụ sở chính: Tầng 3, Tháp 1 và Tháp 2, Phòng CP1.L01 & CP2.L01, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội .

Điện thoại: (84-24) 3936 8000 Fax: (84-24) 3837 8356

Chương II.
CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tham chiếu.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư:

   Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP sử dụng chiến lược mô phỏng chỉ số có chọn lọc (sampling strategy) để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Quỹ sẽ hướng đến phương pháp lựa chọn mẫu và tối ưu hóa, ưu tiên các cổ phiếu có giá trị vốn hóa và thanh khoản cao trong và ngoài danh mục chỉ số tham chiếu nhằm mục đích (1) hạn chế rủi ro thanh khoản cho danh mục đầu tư và (2) tinh giản danh mục để thành viên lập quỹ dễ dàng thực hiện hoạt động giao dịch hoán đổi và tạo lập thị trường nhưng vẫn đảm bảo mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu tuân theo quy định.

2. Lĩnh vực, ngành nghề dự định đầu tư:

   Căn cứ vào chiến lược đầu tư, Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP có thể thực hiện đầu tư vào tất cả các ngành nghề của thị trường chứng khoán Việt Nam mà pháp luật không cấm. Cơ cấu đầu tư theo ngành nghề của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP có thể thay đổi tùy vào sự thay đổi của danh mục của chỉ số tham chiếu và chiến lược đầu tư của Quỹ.

3. Danh mục được đầu tư của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP bao gồm:

   Các chứng khoán trong danh mục của chỉ số tham chiếu và các loại tài sản sau đây:

   a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật tại các tổ chức tín dụng đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt;

   b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

   c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

   d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;

   e) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;

   f) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định rõ tại Điều 9 Điều lệ này và Bản cáo bạch. Danh mục đầu tư của quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP phải phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản và bảo đảm mức sai lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ so với chỉ số tham chiếu của quỹ ETF không được lớn hơn mức sai lệch tối đa theo quy định tại Điều lệ quỹ, quy định của Sở giao dịch chứng khoán và các quy định của pháp luật.

2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ quỹ và đảm bảo:

   a) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

b) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại Điểm (a), (b) Khoản 3 Điều 9 của Điều lệ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

c) Trừ trường hợp là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu, không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại Điểm (a), (b), (d), (e) Khoản 3 Điều 9 của Điều lệ này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ; trong đó, phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định pháp luật;

d) Không đầu tư vào chứng chỉ của chính quỹ đó;

e) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:

(i) Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

(ii) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

(iii) Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

f) Không được đầu tư vào bất động sản;

g) Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;

h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của quỹ, không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ.

3. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào. Công ty quản lý quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.

4. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

5. Cơ cấu đầu tư của quỹ chỉ được vượt mức so với hạn chế đầu tư quy định tại Điểm (a), (b), (c), (e) Khoản 2 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:

a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;

b) Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;

c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;

d) Quỹ đang trong thời gian giải thể;

e) Cơ cấu danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu thay đổi;

f) Quỹ mới được cấp phép thành lập mà thời gian hoạt động chưa quá 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ.

6. Trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại Điểm (a), (b), (c), (e), và (f) Khoản 5 Điều này, Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban

Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều này.

7. Trường hợp sai lệch là do Công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này, thì Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.

8. Trong thời hạn quy định kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban chứng khoán nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện và kết quả khắc phục.

9. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

b) Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

c) Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận.

d) Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Để mô phỏng chỉ số tham chiếu, Quỹ sẽ đầu tư có chọn lọc (sampling strategy) vào các chứng khoán cơ cấu của chỉ số VNMidcap. Khi chỉ số tham chiếu có sự thay đổi tại các kỳ xem xét định kỳ hoặc bất thường thì Quỹ sẽ điều chỉnh tỷ trọng các mã trong danh mục dựa trên sự thay đổi của chỉ số tham chiếu.

Chương III.
NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 12. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước sở hữu ít nhất là một (01) chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có nghĩa vụ khác với quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ quỹ mà họ sở hữu. Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số chứng chỉ quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư tổ chức ký.

2. Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn lập quỹ, mua chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP. Việc tham gia góp vốn lập quỹ, mua chứng chỉ quỹ của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

3. Nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu tại Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP.

4. Công ty quản lý quỹ và người có liên quan của Công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn lập quỹ, mua chứng chỉ quỹ, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán tương ứng với tỷ lệ vốn góp;

b) Được quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ DCVFM thay mặt Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP thực hiện việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP và ngược lại theo quy định tại Điều lệ này.

c) Được chuyển nhượng hoặc bán chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán theo các quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

d) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ tương ứng với số chứng chỉ quỹ nhà đầu tư sở hữu (nếu còn).

e) Khởi kiện công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

f) Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;

g) Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;

h) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;

i) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);

j) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư và có nghĩa vụ chấp hành quyết định của Đại hội nhà đầu tư; tuân thủ Điều lệ Quỹ;

k) Thanh toán đầy đủ danh mục chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP, tiền mua chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP như đã cam kết theo thời gian quy định và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ.

l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật về chứng khoán và Điều lệ này.

2. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:

a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;

b) Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:

(i) Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;

(ii) Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;

(iii) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ;

c) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải trả lời nhà đầu tư;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc:

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

3. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

4. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang Lưu hành của quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại Điểm (b) Khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 14. Tiêu chí, điều kiện tham gia giao dịch hoán đổi đối với nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có sở hữu chứng khoán cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu theo thông báo của Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP, ngoại trừ trường hợp Nhà đầu tư thực hiện giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP bổ sung bằng tiền và/hoặc Thành viên lập Quỹ, Đại lý phân phối thực hiện mua danh mục chứng khoán cơ cấu cho Nhà đầu tư.

2. Nhà đầu tư có sở hữu tối thiểu 01 (một) lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu.

3. Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi thông qua Thành viên lập quỹ, nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.

Điều 15. Sổ đăng ký nhà đầu tư

1. Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng có trách nhiệm lập Sổ đăng ký nhà đầu tư và xác nhận quyền sở hữu của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đối với số chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP đã đăng ký mua. Sổ đăng ký nhà đầu tư của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký nhà đầu tư phải ghi đúng, đầy đủ các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên; địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của quỹ; mã chứng khoán niêm yết của quỹ (nếu có);

b) Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và tổng giá trị vốn huy động được cho quỹ;

c) Thông tin nhà đầu tư, thành viên lập quỹ:

(i) Đối với cá nhân: Họ và tên nhà đầu tư, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);

(ii) Đối với tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập; họ và tên, số định danh cá

nhân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch chứng chỉ quỹ;

d) Số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của nhà đầu tư hoặc số tiểu khoản; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với nhà đầu tư nước ngoài); số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán; kèm theo xác nhận của VSDC về chi tiết danh mục chứng khoán cơ cấu của từng Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đang được phong tỏa nhằm mục đích đưa vào Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với nhà đầu tư nước ngoài);

e) Ngày đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ (vào Sổ chính);

f) Ngày lập Sổ đăng ký nhà đầu tư.

2. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải thực hiện đăng ký, lưu ký các lô chứng chỉ quỹ ETF cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư tại VSDC. Hồ sơ đăng ký, lưu ký các lô chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP thực hiện theo hướng dẫn của VSDC.

3. Số lượng các lô chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP được phát hành, mua lại tại ngày giao dịch tiếp theo được VSDC tự động cập nhật, đăng ký, lưu ký vào hệ thống theo hướng dẫn của VSDC.

4. Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng nhà đầu tư. Thông tin về tài sản của nhà đầu tư trên sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Quyền sở hữu của nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của nhà đầu tư được cập nhật tại sổ chính.

5. Sổ đăng ký nhà đầu tư được lưu trữ tại trụ sở tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng và Công ty quản lý quỹ.

Điều 16. Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP và ngược lại (giao dịch sơ cấp)

1. Việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP và ngược lại áp dụng cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Chỉ thành viên lập quỹ tham gia giao dịch hoán đổi trực tiếp với công ty quản lý quỹ;

b) Giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư chỉ được thực hiện thông qua Thành viên lập quỹ, nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi;

c) Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được thực hiện giao dịch hoán đổi bổ sung bằng tiền trong những trường hợp được quy định chi tiết tại Khoản 3 của Điều này;

d) Nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền và/hoặc bằng các tài sản khác cho Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối. Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối có trách nhiệm mua đủ danh mục chứng khoán cơ cấu cho Nhà đầu tư trước khi đặt lệnh giao dịch hoán đổi lấy chứng chỉ quỹ ETF cho Nhà đầu tư. Cách thức thực hiện dựa trên quy định của Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối và VSDC.

e) Tần suất giao dịch hoán đổi của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP là mỗi ngày mà Sở Giao dịch Chứng khoán tổ chức giao dịch chứng khoán. Thời gian giao dịch cụ thể trong phiên giao dịch tại ngày giao dịch hoán đổi được thực hiện theo Thông báo của Công ty quản lý quỹ DCVFM.

Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

Ngày giao dịch hoán đổi có thể bị tạm ngừng theo quy định tại Khoản 6, 7, 8, 9 của Điều này.

f) Đơn vị giao dịch tối thiểu là một lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP, tương ứng với một trăm ngàn (100.000) chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP. Công ty quản lý quỹ có quyền điều chỉnh số lượng chứng chỉ quỹ trong một lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP sau khi đã công bố công khai tại Bản cáo bạch, tuy nhiên phải bảo đảm một lô chứng chỉ quỹ có không ít hơn 100.000 chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thời điểm áp dụng lô chứng chỉ quỹ

mới sớm nhất là mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông tin về quy mô lô chứng chỉ quỹ mới được công bố trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, VSDC, Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ và các Đại lý phân phối (nếu có);

g) Chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP thực hiện giao dịch hoán đổi

Chứng khoán cơ cấu thực hiện giao dịch hoán đổi là các chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi theo thông báo của Công ty quản lý quỹ DCVFM và được gửi đến VSDC theo quy định, chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi thuộc loại chứng khoán tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư.

h) Lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư sẽ được chuyển đến Thành viên lập quỹ (kể cả trường hợp nhà đầu tư đặt lệnh giao dịch hoán đổi thông qua các Đại lý phân phối của Quỹ) và phải được tổ chức trực tiếp nhận lệnh giao dịch hoán đổi (Thành viên lập quỹ hoặc Đại lý phân phối) lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Trường hợp Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ nhận lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax tùy theo khả năng đáp ứng của Thành viên lập quỹ, việc thực hiện ở các hình thức này phải tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử, chứng khoán và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử, đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh;

i) Lệnh giao dịch hoán đổi chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ tối thiểu các điều kiện sau:

(i) Được Thành viên lập quỹ chuyển tới tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng trước thời điểm đóng sổ lệnh. Các lệnh tới sau thời điểm đóng sổ lệnh được xem là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện. Quy trình được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch;

(ii) Được Công ty quản lý quỹ xác nhận đủ điều kiện thực hiện, sau khi VSDC bảo đảm Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư có đầy đủ danh mục chứng khoán cơ cấu hoặc số lô chứng chỉ quỹ để hoàn tất việc thanh toán giao dịch vào ngày thanh toán, ngoại trừ trường hợp quy định tại Điểm (a) và (c) Khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này. Trường hợp bán chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP, số lượng chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP còn lại của Thành viên lập quỹ sau khi bán không thấp hơn số lượng lô chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tư cách là Thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng lập quỹ ký với Công ty quản lý quỹ DCVFM (nếu có).

j) Hoạt động hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP và ngược lại thực hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ trên hệ thống tài khoản lưu ký của các Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP tại VSDC. Việc chuyển khoản danh mục chứng khoán cơ cấu và chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP trong hoạt động thanh toán thực hiện theo quy trình đã được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch và phù hợp với quy định của VSDC.

k) Việc thanh toán tiền chênh lệch phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch hoán đổi (nếu có) được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

2. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi:

a) Trước phiên giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ DCVFM có trách nhiệm thông báo cho Thành viên lập quỹ, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và công bố trên trang thông tin điện tử của mình và của Sở giao dịch chứng khoán về danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy một (01) lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP. Thông tin bao gồm các mã chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã chứng khoán cơ cấu trong danh mục này. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

b) Lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư được chuyển tới Thành viên lập quỹ trực tiếp hoặc thông qua các Đại lý phân phối theo quy định tại Điều lệ này và các hướng dẫn tại Bản cáo bạch. Trường hợp Thành viên lập quỹ không thể tiếp nhận được lệnh từ nhà đầu tư do Đại lý phân phối, Thành

viên lập quỹ bị giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, bị đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin hoặc các nguyên nhân bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai,... thì lệnh giao dịch của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được chuyển thẳng tới Công ty quản lý quỹ.

Lệnh giao dịch hoán đổi của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được Thành viên lập quỹ chuyển tới VSDC trước thời điểm đóng cửa thị trường theo hướng dẫn của VSDC.

c) Trong vòng một (01) ngày làm việc, kể từ ngày giao dịch hoán đổi, VSDC sẽ hoàn tất việc chuyển danh mục chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP vào tài khoản của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Việc tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại Khoản 3 Điều này và được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và VSDC xác nhận quyền sở hữu cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi, Ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản 3 Điều này theo yêu cầu hợp pháp của Công ty quản lý quỹ.

d) Trước thời điểm đóng sổ lệnh, nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ phải thông báo cho VSDC, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của VSDC. Quá thời hạn nêu trên, Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ chịu trách nhiệm trước nhà đầu tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện.

e) Sau khi tiếp nhận lệnh của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư, VSDC có trách nhiệm kiểm tra khả năng thực hiện được lệnh của khách hàng bảo đảm đáp ứng quy định tại Điểm (g) và (i) Khoản 1 Điều này, xác nhận và thực hiện lệnh giao dịch của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo các quy định tại khoản này và quy định của VSDC.

3. Danh mục chứng khoán cơ cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP và Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trừ trường hợp:

a) Khi hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP, giá trị của danh mục chứng khoán cơ cấu thấp hơn giá trị tài sản ròng của các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP. Phần chênh lệch phát sinh được Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP mở tại Ngân hàng giám sát được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

b) Khi hoán đổi các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP lấy danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP mà Công ty quản lý quỹ tiếp nhận từ Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư nhiều hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu. Phần chênh lệch này được Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoàn trả lại bằng các chứng chỉ quỹ ETF vào các tài khoản lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ tại ngày thanh toán hoặc bằng tiền theo quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

Trường hợp chứng khoán cơ cấu của quỹ ETF phát sinh quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và quỹ ETF đã có tên trên danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng do VSDC lập nhưng tại ngày thanh toán giao dịch hoán đổi, số lượng chứng khoán phát sinh từ quyền chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của quỹ ETF, quỹ ETF phải sử dụng hết số lượng chứng khoán cơ cấu đã có trên tài khoản lưu ký của quỹ để hoàn trả cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Quỹ ETF được hoàn trả bằng tiền thay thế cho số lượng chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền nhưng chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của quỹ nếu Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch có quy định cho phép. Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho thành viên lập quỹ, VSDC và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán về danh mục chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền được thanh toán bằng tiền.

Thông tin bao gồm các mã chứng khoán cơ cấu, số tiền được thanh toán cho một chứng khoán

cơ cấu. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

c) Trường hợp trong danh mục chứng khoán cơ cấu có những mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư hoặc Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, khi đó Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP và ngược lại, được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch. Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện thông báo các mã chứng khoán hoán đổi bổ sung bằng tiền cho Công ty quản lý quỹ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện giải trình khi có yêu cầu từ phía cơ quan quản lý và công ty quản lý quỹ.

4. Trường hợp Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP tiếp nhận các lô chứng chỉ quỹ của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư, mà Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP không đủ số lượng chứng khoán của 1 mã chứng khoán cơ cấu nào đó hoặc không sở hữu mã chứng khoán cơ cấu nào đó để hoàn trả cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thì việc hoàn trả này sẽ được thực hiện như quy định tại Bản cáo bạch.

5. Trường hợp Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP tiếp nhận các lô chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dẫn tới tỷ lệ sở hữu đối với chứng khoán cơ cấu vượt quá hạn mức tối đa theo quy định của pháp luật (tính tại thời điểm hoàn thành hoán đổi tại VSDC (ngày T+1), hoặc dẫn tới Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó, thì VSDC sẽ có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ DCVFM và yêu cầu Công ty quản lý quỹ DCVFM, Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện:

a) Trường hợp là tổ chức, cá nhân nước ngoài, Công ty quản lý quỹ DCVFM sẽ phải bán số chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bằng hình thức chuyển khoản.

b) Trường hợp chuyển hoàn danh mục chứng khoán cơ cấu cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dẫn tới Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, thì Công ty quản lý quỹ DCVFM có trách nhiệm bán phần chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó và thanh toán bằng tiền cho Thành viên lập quỹ, các nhà đầu tư này.

c) Việc thanh toán tiền cho các Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư quy định tại Điểm (a), (b) nêu tại khoản này, phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán vượt quá các tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải thực hiện chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định luật hiện hành. Khoản thanh toán cho nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan;

d) Trong quá trình Công ty quản lý quỹ DCVFM thực hiện bán các chứng khoán cơ cấu vượt quá tỷ lệ nêu ở mục này nếu phát sinh trường hợp số chứng khoán này được hưởng cổ tức hoặc quyền mua thì phương thức giải quyết, quy trình thực hiện theo quy định cụ thể tại Bản cáo bạch. Trường hợp là các nhà đầu tư bị hạn chế sở hữu vì các lý do khác theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại Điều lệ của nhà đầu tư đó, nhà đầu tư có trách nhiệm bán số chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán. Trong thời gian chưa điều chỉnh tỷ lệ sở hữu về các hạn mức theo quy định của pháp luật, nhà đầu tư không được thực hiện quyền biểu quyết trong Đại hội cổ đông của các tổ chức phát hành đối với số chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu theo quy định của pháp luật.

6. Công ty quản lý có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP từ Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư do một trong các trường hợp sau:

a) Sở giao dịch chứng khoán thay đổi cơ cấu danh mục chỉ số tham chiếu;

b) Tổ chức phát hành của loại chứng khoán có trong danh mục đầu tư của quỹ bị phá sản, giải thể; hoặc bị tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị tài sản ròng của quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;

c) Quỹ cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;

d) Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, VSDC không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do nguyên nhân bất khả kháng;

e) Công ty quản lý quỹ có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện lệnh giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP từ nhà đầu tư và thành viên lập quỹ khi nhận thấy việc nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi có thể sẽ dẫn đến danh mục đầu tư của quỹ vi phạm quy định hạn chế đầu tư theo quy định tại Điểm (a) Khoản 3 Điều 45 của Thông tư 98/2020/TT-BTC và quy định sửa đổi bổ sung (nếu có) của Thông tư 98/2020/TT-BTC

f) Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này và công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.

7. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 6 Điều này, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán. Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối phải nối lại việc tiếp nhận và thực hiện lệnh hoán đổi danh mục cho nhà đầu tư ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

8. Thời hạn tạm ngừng giao dịch hoán đổi không được kéo dài quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giao dịch hoán đổi gần nhất. Trường hợp tạm ngừng giao dịch hoán đổi do nguyên nhân quy định tại Điểm (a), (b) Khoản 6 Điều 16 của Điều lệ này, thời hạn tạm ngừng không quá ba (03) ngày làm việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó, theo thông báo của Công ty quản lý quỹ DCVFM.

9. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch hoán đổi theo quy định tại Khoản 8 Điều này mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt động chưa được khắc phục, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư bất thường về việc giải thể quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư.

10. Giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại:

a. Giá dịch vụ phát hành: là giá dịch vụ mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch.

(i) Giá dịch vụ phát hành áp dụng đối với Thành viên lập quỹ được quy định tại Hợp đồng Thành viên lập quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.

(ii) Giá dịch vụ phát hành áp dụng đối với Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại Hợp đồng Tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.

(iii) Giá dịch vụ phát hành áp dụng đối với nhà đầu tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.

(iv) Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.

b) Giá dịch vụ mua lại: là giá dịch vụ mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Giá dịch vụ này được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ.

(i) Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ được quy định tại Hợp đồng Thành viên lập quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.

(ii) Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với áp dụng đối với Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại Hợp đồng Tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.

(iii) Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.

Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.

c) Việc điều chỉnh mức giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ và Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được thực hiện theo thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và thành viên lập quỹ, Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường.

d) Việc tăng mức giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới sớm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

e) Trường hợp giảm mức giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với nhà đầu so với giá tối đa quy định tại Điều này, thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới sớm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 17. Giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP trên Sở giao dịch chứng khoán *(giao dịch thứ cấp)*

1. Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP đã niêm yết thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán theo nguyên tắc sau:

a) Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đặt lệnh giao dịch trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán, VSDC;

b) Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP niêm yết;

c) Chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Thành viên lập quỹ chỉ được bán chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP (bán chứng khoán cơ cấu) trên hệ thống của Sở giao dịch chứng khoán khi bảo đảm có đủ chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP (chứng khoán cơ cấu) để chuyển giao trước thời điểm thanh toán theo quy định của VSDC. Số chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP (chứng khoán cơ cấu) này bao gồm số chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP (số chứng khoán cơ cấu) đã có sẵn trên tài khoản của Thành viên lập quỹ tại ngày thực hiện giao dịch, số chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP (số chứng khoán cơ cấu) nhận được trước thời điểm thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở danh mục chứng khoán cơ cấu (lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP) có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của VSDC đã thực hiện thành công trước đó.

Điều 18. Giá phát hành lần đầu và giá giao dịch hoán đổi

1. Giá phát hành lần đầu: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư để thu lại danh mục chứng khoán cơ cấu. Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm giá dịch vụ phát hành quy định tại Khoản 10 Điều 16 của Điều lệ này.

2. Giá giao dịch hoán đổi: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu từ Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và ngược lại.

a) Giá giao dịch hoán đổi mà Công ty quản lý quỹ tiếp nhận danh mục chứng khoán cơ cấu đồng thời phát hành một lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư (hay còn gọi là giá phát hành) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ sử dụng tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với giá dịch vụ phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi.

b) Giá giao dịch hoán đổi mà Công ty quản lý quỹ mua lại một lô chứng chỉ quỹ đồng thời hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư (hay còn gọi là giá mua lại) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ sử dụng tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi giá dịch vụ mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.

Điều 19. Chuyển nhượng phi thương mại

1. Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (như cho, biếu, tặng, thừa kế...) chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP được thực hiện tương tự việc chuyển quyền sở hữu các chứng khoán niêm yết ngoài hệ thống giao dịch của SGDCK được quy định tại Quy chế hoạt động đăng ký chứng khoán do VSDC ban hành.

2. Việc cho, biếu, tặng, thừa kế chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc cho, biếu, tặng, thừa kế hoặc người cho, biếu, tặng, thừa kế.

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc cho, biếu, tặng, thừa kế.

Chương IV.
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 20. Đại hội nhà đầu tư

1. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP. Tất cả các nhà đầu tư có tên trong Sổ đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội.

2. Quỹ không bắt buộc phải tổ chức Đại hội Nhà đầu tư thường niên..

3. Việc họp Đại hội nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Phiếu lấy ý kiến được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của nhà đầu tư (bao gồm gửi thư, fax và thư điện tử). Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện quỹ thông qua quy chế của hình thức họp lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có).

4. Chương trình và nội dung họp Đại hội nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 (bảy) ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.

5. Chi phí của Đại hội nhà đầu tư do Quỹ thanh toán.

6. Đại hội nhà đầu tư bất thường

a) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư trong những trường hợp sau:

(i) Công ty quản lý quỹ, hoặc Ngân hàng giám sát, hoặc Ban đại diện quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của quỹ;

(ii) Theo yêu cầu của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại Điểm (b) Khoản 2 Điều 13 Điều lệ này.

b) Việc tổ chức Đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại Điểm (a) Khoản 6 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư.

c) Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại điều này, công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với quỹ (nếu có). Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại điều này, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban đại diện quỹ hoặc ngân hàng giám sát thay thế công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.

Điều 21. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư

1. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên của Ban đại diện quỹ; Quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ;
2. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;
3. Quyết định chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ Quỹ;
4. Quyết định phương án phân phối lợi tức;
5. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ quy định tại Điều lệ quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;
6. Giải thể, sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành, thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;
7. Quyết định các trường hợp tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ khác theo quy định và tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ;;
8. Thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ;
9. Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có);
10. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư;
11. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư

1. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham dự và biểu quyết tại Đại hội có thể là trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một người khác hoặc ủy quyền cho Ban đại diện quỹ tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; tham dự họp trực tuyến thông qua điện thoại, internet hoặc các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác.
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.

3. Đại hội nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban đại diện quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Ban đại diện quỹ hoặc bất kỳ người nào khác do Đại hội nhà đầu tư bầu ra sẽ chủ trì.

4. Tất cả cuộc họp của Đại hội nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ ở trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ.

Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. Mỗi chứng chỉ quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.

2. Đại hội nhà đầu tư thông qua các Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức điện tử khác.

3. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này, quyết định tại cuộc họp của đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành.

4. Công ty quản lý quỹ được lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho nhà đầu tư như trường hợp mời họp Đại hội nhà đầu tư. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản:

   a) Công ty quản lý quỹ có quyền lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư;

   b) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;

   c) Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

      (i) Tên, địa chỉ, thông tin giấy phép của Quỹ;

      (ii) Thông tin của nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ đang nắm giữ và số phiếu biểu quyết của nhà đầu tư;

      (iii) Vấn đề cần lấy ý kiến và ý kiến trả lời tương ứng theo thứ tự tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

      (iv) Thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty quản lý quỹ;

      (v) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ và Chủ tịch Ban đại diện quỹ.

   d) Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty quản lý quỹ theo một trong các hình thức sau: gửi bằng chuyển phát, fax, thư điện tử (đính kèm bản scan phiếu lấy ý kiến có chữ ký của Nhà đầu tư). Phiếu lấy ý kiến gửi bằng chuyển phát phải được đựng trong phong bì dán kín. Phiếu lấy ý kiến gửi bằng thư điện tử hoặc fax phải được bảo mật cho đến khi kiểm phiếu. Trong trường hợp gửi phiếu lấy ý kiến bằng thư điện tử thì Công ty quản lý quỹ phải ghi rõ địa chỉ thư điện tử nhận phiếu lấy ý kiến, và nhà đầu tư phải gửi bằng thư điện tử đã đăng ký tại Sổ đăng ký nhà đầu tư.

   e) Phiếu lấy ý kiến có nội dung đầy đủ, có chữ ký của nhà đầu tư là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư là tổ chức và được gửi về Công ty quản lý quỹ trong thời hạn quy định được coi là hợp lệ.

   f) Công ty quản lý quỹ thành lập ban kiểm phiếu, tổ chức việc kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu, nghị quyết, quyết định được thông qua đến các nhà đầu tư trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn mà nhà đầu tư phải gửi ý kiến về Công ty

quản lý quỹ. Biên bản kiểm phiếu có giá trị tương đương biên bản họp Đại hội nhà đầu tư và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, địa chỉ, thông tin giấy phép của Quỹ;

(ii) Tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ, không hợp lệ, không nhận được; tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết;

(iii) Nghị quyết, quyết định được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết tương ứng;

(iv) Họ, tên, chữ ký của trưởng ban kiểm phiếu, chủ tịch Ban đại diện quỹ hoặc người được chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ hoặc người được người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ ủy quyền.

g) Ban kiểm phiếu, thành viên Ban đại diện quỹ chịu trách nhiệm liên đới về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của nội dung biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

h) Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên cổng thông tin của Công ty quản lý quỹ và UBCKNN trong vòng hai mươi bốn giờ kể từ khi kết thúc kiểm phiếu.

i) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết, quyết định được thông qua và các tài liệu khác có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ.

j) Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư biểu quyết tán thành.

5. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là:

a) Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ quy định tại Điều lệ quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;

b) Sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ;

Quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành.

6. Công ty quản lý quỹ và Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này. Trong trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư là không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

7. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ sau khi thông qua quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lập Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản hoặc lấy ý kiến bằng thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác) và Nghị quyết Đại hội và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng giám sát và thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư

a) Nhà đầu tư quỹ ETF phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư về các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ mua lại chứng chỉ quỹ của mình theo quy định sau:

(i) Đối với phần chứng chỉ quỹ tròn lô giao dịch hoán đổi, nếu nhà đầu tư không thực hiện việc bán trên thị trường thứ cấp và có yêu cầu Công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại, Công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại thông qua lệnh đặt giao dịch hoán đổi từ chứng chỉ quỹ sang danh mục chứng khoán cơ cấu tại Thành viên lập quỹ nơi nhà đầu tư mở tài khoản.

(ii) Điều kiện và quy trình để thực hiện lệnh giao dịch hoán đổi tuân theo Điều 14 và Điều 16 của Điều lệ này.

(iii) Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư và có thực hiện gửi văn bản phản đối tới Công ty quản lý quỹ nêu rõ lí do và được Công ty quản lý quỹ chấp nhận sẽ không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại khi đặt lệnh giao dịch hoán đổi từ chứng chỉ quỹ sang chứng khoán cơ cấu.

(iv) Đối với phần chứng chỉ quỹ không tròn lô giao dịch hoán đổi thì nhà đầu tư thực hiện bán trên thị trường thứ cấp.

b) Yêu cầu mua lại chứng chỉ quỹ phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc của nhà đầu tư, số lượng đơn vị quỹ, lý do yêu cầu mua lại . Yêu cầu phải được nhà đầu tư gửi tới trụ sở chính của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

9. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc mua lại chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư phản đối quyết định của đại hội nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 8 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất kể từ khi Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của nhà đầu tư và nhà đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại.

Chương V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 24. Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư, được Đại hội nhà đầu tư bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Ban đại diện quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diên quỹ là thành viên độc lập (không phải là người có liên quan) của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ phải tuân thủ quy định sau:

a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban đại diện quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ chậm nhất 10 ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu thành viên Ban đại diện quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban đại diện quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban đại diện quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;

c) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ

(i) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban đại diện quỹ phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu là 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ để nhà đầu tư có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu;

(ii) Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định của luật, Ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ quỹ.

(iii) Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 10% tổng số chứng chỉ quỹ trở lên có quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ, việc đề cử người vào Ban đại diện quỹ thực hiện như sau:

- Nhà đầu tư hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban đại diện quỹ phải thông báo về việc họp nhóm cho các nhà đầu tư dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội Nhà đầu tư;
- Căn cứ số lượng thành viên Ban đại diện quỹ, Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư làm ứng cử viên Ban đại diện quỹ. Trường hợp số ứng cử viên được nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư thì số ứng cử viên còn lại do Ban đại diện quỹ và các nhà đầu tư khác đề cử.

3. Trong Ban đại diện quỹ phải có:

a) Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;

b) Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;

c) Tối thiểu một thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

4. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết. Đối với cuộc họp Ban đại diện, thành viên Ban đại diện không trực tiếp dự họp thì có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bảnvà/hoặc cử người đại diện mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

5. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ, thành viên Ban Đại Diện Quỹ không còn đáp ứng điều kiện theo quy định, Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ đáp ứng quy định làm thành viên Ban Đại Diện Quỹ tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ cho tới khi Đại Hội Nhà Đầu Tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế..

6. Công ty quản lý quỹ phải thực hiện thông báo cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 25. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban đại diện quỹ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ

a) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Không nhất thiết phải là nhà đầu tư của quỹ. Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

3. Nếu thành viên là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ban đại diện thì phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu công việc hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.

4. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:

a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị;

b) Là thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư;

2. Trung thành với lợi ích của Quỹ, tránh các xung đột về quyền lợi, gây thiệt hại cho Quỹ, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc trong trường hợp có mâu thuẫn về lợi ích giữa thành viên và Quỹ, giữa thành viên và những người có liên quan của Quỹ;

3. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty quản lý quỹ, thường xuyên kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực, mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ;

4. Giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ phù hợp với Điều lệ này và quy định pháp luật;

5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ;

6. Kiến nghị các chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ;

7. Kiến nghị mức lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư; thông qua thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận;

8. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;

9. Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ thị trường tiền tệ mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại Điểm (a), (b) Khoản 3 Điều 9 của Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch tài sản của quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận theo quy định pháp luật;

10. Có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ, ngân hành giám kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý quỹ và hoạt động giám sát;

11. Kiến nghị việc thay đổi Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát;

12. Không một thành viên Ban đại diện nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình hoặc bất kỳ hành động nào khác được thực hiện một cách có thiện chí, trung thực, trong sạch, chí công, vô tư, nhân danh Quỹ, phù hợp với phạm vi và quyền hạn được giao theo quy định, hoặc phù hợp với quyền hạn được giao theo Điều lệ này hoặc phù hợp với Quy chế Ban đại diện và tuân thủ đúng các quy định pháp luật; Trong trường hợp quyết định do Ban đại diện quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm;

13. Nghiên cứu đánh giá tình hình và kết quả hoạt động, đóng góp ý kiến vào việc xây dựng phương hướng nhiệm vụ và chiến lược phát triển hàng năm, hàng quý của Quỹ;

14. Ban đại diện quỹ không được trực tiếp hay gián tiếp:

    a) Dùng tài sản Quỹ cho bất kỳ nhà đầu tư nào của Quỹ đầu tư vay tiền;

    b) Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hay cung cấp tài sản thế chấp cho nhà đầu tư vay tiền;

    c) Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hoặc cung cấp tài sản thế chấp cho một công ty khác vay tiền;

    d) Cung cấp các thông tin không được phép phổ biến của Quỹ đầu tư cũng như của khách hàng cho bất cứ ai.

15. Tham dự các phiên họp Ban đại diện quỹ, trực tiếp thảo luận và tham gia biểu quyết hoặc gửi phiếu ý kiến tham gia biểu quyết (trong trường hợp vắng mặt tại cuộc họp hoặc trong trường hợp được Chủ tịch Ban đại diện quỹ hỏi ý kiến bằng văn bản) để quyết định các vấn đề thuộc nội dung phiên họp;

16. Thực hiện các nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư và các quyết định của Ban đại diện quỹ;

17. Từ hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện quỹ trở lên có quyền quyết định triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường hoặc Ban đại diện quỹ phiên bất thường.

18. Chấp hành các quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

19. Ban đại diện quỹ có quyền được hưởng thù lao hàng tháng, mức thù lao do Đại hội nhà đầu tư quyết định. Thành viên của Ban đại diện hoặc Thư ký Ban đại diện là nhân viên của DCVFM sẽ không nhận thù lao.

20. Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với người nội bộ và người có liên quan với người nội bộ của quỹ đại chúng.

Điều 27. Chủ tịch Ban đại diện quỹ

1. Đại hội nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện quỹ trong số thành viên Ban đại diện bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.

2. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

   a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;

   b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;

   c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;

   d) Ban hành Thông báo việc miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đương nhiên quy định tại Điều 28 của Điều lệ này.

   e) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này.

3. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện quỹ được Chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.

4. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư gần nhất.

Điều 28. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ

1. Đại hội nhà đầu tư miễn nhiệm thành viên Ban đại diện Quỹ trong trường hợp sau đây:

   a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 25 của Điều lệ này;

   b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

   c) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

2. Đại hội nhà đầu tư bãi nhiệm thành viên Ban đại diện Quỹ trong trường hợp sau đây:

   a) Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện Quỹ trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

   b) Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;

   c) Bị khởi tố hoặc truy tố;

   d) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền;

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội nhà đầu tư quyết định thay thế thành viên Ban đại diện quỹ; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban đại diện Quỹ ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

4. Ban đại diện Quỹ phải triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Ban đại diện Quỹ bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ quỹ. Trường hợp này, Ban đại diện Quỹ phải triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Ban đại diện Quỹ giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điều lệ;

c) Trừ trường hợp quy định tại Điểm (a) và Điểm (b) Khoản này, Đại hội nhà đầu tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban đại diện Quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

5. Thành viên Ban đại diện quỹ sẽ được bổ sung trong các trường hợp sau:

a) Khi việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ nêu tại Khoản 2, 3 điều này dẫn đến thành viên Ban đại diện quỹ không đảm bảo số lượng tối thiểu theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này;

b) Khi Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP có nhu cầu bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ, việc bổ sung này không vượt quá số lượng tối đa quy định Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này;

c) Thành viên Ban đại diện quỹ được bổ sung phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 25 của Điều lệ này.

d) Thành viên Ban đại diện quỹ được bầu bổ sung bằng hình thức bỏ phiếu kín tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 29. Cuộc họp Ban đại diện quỹ

1. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có quyền triệu tập họp Ban đại diện quỹ. Ban đại diện quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.

2. Ban đại diện quỹ triệu tập cuộc họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ban đại diện quỹ, Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát hoặc theo yêu cầu của ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ban đại diện quỹ.

3. Cuộc họp Ban đại diện quỹ có thể họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

4. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước 5 ngày.

5. Cuộc họp Ban đại diện quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên tham dự, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên, bao gồm cả người đại diện họp thay thành viên Ban đại diện tại phiên họp mà được ủy quyền biểu quyết, và cả những thành viên Ban đại diện không đến dự họp trực tiếp nhưng có gửi ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn với sự chứng kiến của tất cả các thành viên dự họp. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua nếu được trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên số thành viên Ban đại diện quỹ dự họp và trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên số thành viên Ban đại diện quỹ độc lập dự họp thông qua.

6. Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát có quyền tham dự cuộc họp của Ban đại diện quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.

7. Ban đại diện quỹ sẽ chỉ định một nhân viên có năng lực của Công ty quản lý quỹ để làm thư ký và ghi biên bản họp của Ban đại diện quỹ.

8. Tất cả các chi phí tổ chức các cuộc họp và chi phí công tác của Ban đại diện quỹ sẽ do Quỹ thanh toán.

Điều 30. Biên bản họp Ban đại diện quỹ

Cuộc họp Ban đại diện quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban

đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quỹ. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban đại diện quỹ.

Chương VI.
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 31. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp phép hoạt động quản lý Quỹ.
2. Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng giám sát.
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ sau:
   a) Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty quản lý quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản của quỹ theo Điều lệ này. Tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của quỹ.
   b) Công ty quản lý quỹ là đại diện theo ủy quyền của quỹ, thay mặt cho quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của quỹ một cách trung thực và cẩn trọng.
   c) Khi quản lý tài sản của quỹ, Công ty quản lý quỹ phải:
      (i) Ký hợp đồng lưu ký, giám sát với Ngân hàng giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng giám sát;
      (ii) Trường hợp đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi cho quỹ, công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban đại diện quỹ phê duyệt; phải cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để các tổ chức này đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, lưu trữ bản gốc các hợp đồng tiền gửi và cung cấp các hợp đồng đó theo yêu cầu của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát;
      (iii) Trường hợp đầu tư vào phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, trái phiếu chưa niêm yết cho quỹ; công ty quản lý quỹ phải lưu ký bản gốc hoặc bản sao hợp lệ cho các hợp đồng giao dịch, chứng từ giao dịch, hoặc bản gốc sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;
      (iv) Tách biệt tài sản của quỹ và tài sản của chính công ty, tài sản của khách hàng ủy thác do công ty quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
      (v) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của quỹ trên hệ thống tài khoản của quỹ quản lý tại công ty, hệ thống lưu ký tài sản của quỹ tại ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, VSDC, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức nhận tiền gửi. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm

tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của quỹ;

(vi) Thực hiện việc đầu tư tài sản quỹ theo các quy định của pháp luật, Điều lệ này;

(vii) Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý quỹ, điều hành hoạt động đầu tư của mỗi quỹ đầu tư chứng khoán. Những người điều hành quỹ nêu trên phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch.

d) Công ty phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân công ty. Quy trình này phải được cung cấp cho Ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng ủy thác. Công ty phải ban hành quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quy trình quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quy trình tư vấn đầu tư chứng khoán và các quy trình nghiệp vụ khác phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của công ty; quy trình kiểm soát nội bộ; sổ tay định giá; quy trình về điều kiện, trình tự, thủ tục triệu tập, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định tại Đại hội nhà đầu tư áp dụng chung cho các quỹ, Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán; quy tắc đạo đức nghề nghiệp chi tiết tới từng vị trí công tác. Trường hợp khách hàng ủy thác đầu tư chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro, quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải có quy định cụ thể về nguyên tắc, phương pháp sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán; quy trình quản lý danh mục đầu tư chứng khoán phải có quy định cụ thể về nguyên tắc, phương pháp sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà khách hàng ủy thác đang nắm giữ. Các quy trình được triển khai áp dụng thống nhất trong hoạt động công ty. .

e) Trong hoạt động quản trị quỹ, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo đảm:

(i) Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ và trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này;

(ii) Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký nhà đầu tư. Nội dung sổ đăng ký nhà đầu tư thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ quỹ;

f) Công ty quản lý quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ đầu tư. Việc ủy quyền hoạt động này, Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động Công ty quản lý quỹ và các Điều lệ này.

g) Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân hàng giám sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng giám sát để Ngân hàng giám sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với quỹ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của quỹ với Ngân hàng giám sát.

h) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty quản lý quỹ về các giao dịch tài sản của quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này thì Công ty quản lý quỹ phải huỷ bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho quỹ.

i) Công ty quản lý quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ này.

j) Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của khách hàng ủy thác. Quy định về việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp là điều khoản bắt buộc của hợp đồng lao động giữa công ty và nhân viên.

k) Công ty quản lý quỹ phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam và theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của quỹ, công ty phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp.

l) Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do Công ty quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này. Việc bồi thường cho quỹ, nhà đầu tư vào quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan.

m) Công ty quản lý quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho quỹ trong các trường hợp quy định tại Điểm (l) khoản này.

n) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan. Khi thực hiện nhận biết khách hàng, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp khách hàng.

   (i) Trường hợp không gặp mặt trực tiếp khách hàng, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối phải đảm bảo có các biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết, thu thập đầy đủ thông tin khách hàng và xác minh chính xác khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền, pháp luật về giao dịch điện tử, các quy định pháp luật có liên quan về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng;

   (ii) Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối phải lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và quy định pháp luật có liên quan. Các thông tin nhận biết khách hàng phải được lưu trữ dự phòng, bảo mật và cung cấp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

   (iii) Trước khi triển khai hoạt động nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối thông qua công ty quản lý quỹ phải thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

   (iv) Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối tạm dừng hoặc chấm dứt việc thực hiện nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp.

o) Trường hợp quỹ là nhà đầu tư nước ngoài, Công ty quản lý quỹ bảo đảm việc đầu tư tài sản của quỹ tuân thủ đúng các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam tại thời điểm đầu tư.

p) Công ty quản lý quỹ khi sử dụng tài sản ủy thác huy động tại Việt Nam để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan khác. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chỉ được thực hiện nếu Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư có điều khoản cho phép thực hiện.

q) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho quỹ, Công ty quản lý quỹ bảo đảm:

   (i) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của quỹ;

(ii) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là người có liên quan của công ty quản lý quỹ không được vượt quá 20% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của quỹ;

(iii) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của quỹ, thông tin về giao dịch tài sản và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho Ủy ban chứng khoán nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

r) Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm:

(i) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của công ty;

(ii) Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác; bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ.

(iii) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của công ty với các hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

s) Khi cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối chứng chỉ quỹ phải tuân thủ quy định pháp luật về giao dịch chứng khoán điện tử.

t) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ.

2. Công ty quản lý quỹ có các quyền sau:

a) Lựa chọn Ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 35 Điều lệ này;

b) Được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị quỹ. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tài chính và pháp lý phát sinh từ việc ủy quyền, trừ các nghĩa vụ pháp lý, các khoản phí, giá dịch vụ mà Quỹ trực tiếp thỏa thuận, thanh toán cho bên nhận ủy quyền trên cơ sở hợp đồng giám sát, hợp đồng lưu ký, quy định tại Điều lệ quỹ, và phù hợp với quy định của pháp luật liên quan. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư và dịch vụ cung cấp cho Quỹ;

c) Có quyền từ chối phát hành chứng chỉ quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho nhà đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

d) Được thay mặt, đại diện cho quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của quỹ theo quy định của pháp luật;

e) Được thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành, công ty cổ phần mà quỹ là cổ đông theo quy định của pháp luật;

f) Ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ;

g) Được hưởng các khoản giá dịch vụ, phí được quy định trong Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật;

h) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật;

i) Được tham gia (nhưng không có quyền biểu quyết) các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội nhà đầu tư và của Ban đại diện quỹ;

j) Được quyết định các khoản đầu tư của quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 33. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

a) Công ty quản lý quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác theo các quy định của Điều lệ quỹ;

b) Theo yêu cầu của Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán;

c) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điều 95 Luật Chứng khoán;

d) Tổ chức lại công ty quản lý quỹ;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán để lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và công ty quản lý quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại Điểm (a), (c), (d) Khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày khách hàng ủy thác thông qua quyết định thay thế công ty quản lý quỹ, công ty quản lý quỹ thay thế có trách nhiệm đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán liên quan đến việc thay đổi công ty quản lý quỹ.

4. Quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác của công ty quản lý quỹ bị thay thế chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu đối với tài sản ủy thác, bàn giao đầy đủ tài sản, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, chứng từ, sổ sách, thông tin về tài sản ủy thác, quyền, nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác cho công ty quản lý quỹ thay thế. Việc chuyển giao tài sản phải được hoàn tất trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày khách hàng ủy thác thông qua quyết định thay thế công ty quản lý quỹ.

5. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc bàn giao, công ty quản lý quỹ thay thế gửi Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước biên bản bàn giao trách nhiệm và tài sản giữa hai công ty quản lý quỹ. Biên bản phải được khách hàng ủy thác hoặc đại diện của khách hàng ủy thác và ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát xác nhận.

6. Công ty quản lý quỹ bị thay thế phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ nợ, tài sản đối với khách hàng ủy thác mà chưa bàn giao đầy đủ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ bị thay thế chịu trách nhiệm giải quyết và khắc phục những hệ quả phát sinh trong thời hạn năm (05) năm kể từ khi hoàn tất việc bàn giao tài sản cho công ty quản lý quỹ thay thế theo quy định tại Khoản 5 Điều này.

7. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công ty quản lý quỹ

Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công ty quản lý quỹ theo quy định tại Điểm (a) Khoản 1 Điều này, Quỹ sẽ phải trả cho Công ty quản lý quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí đã được quy định tại Điều lệ này theo biểu phí như sau:

Phí được tính trên NAV của Quỹ	Thời điểm thay thế Công ty quản lý quỹ
2.0%	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ được thành lập
1.5%	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ được thành lập

NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Công ty quản lý quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của 365 ngày liền trước thời điểm Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay đổi Công ty quản lý quỹ đã được Ngân hàng giám sát xác nhận.

Phí này nhằm để bù đắp những chi phí phát sinh cho Công ty quản lý quỹ do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng.

Nếu Đại hội nhà đầu tư quyết định thay đổi Công ty quản lý quỹ vì lý do vi phạm các qui định pháp luật và quyết định này không bị Ủy ban chứng khoán nhà nước phản đối thì Quỹ sẽ không phải trả cho Công ty quản lý quỹ khoản phí nêu trên.

Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan của hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của quỹ đầu tư chứng khoán. Thành viên hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), chủ tịch công ty, ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.

2. Thành viên hội đồng quản trị, ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại giá dịch vụ, phí và mức giá dịch vụ, phí đã được quy định rõ tại Điều lệ này.

3. Trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ, Công ty quản lý quỹ bảo đảm:

   a) Không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào chính quỹ đó;

   b) Không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty quản lý quỹ quản lý, ngoại trừ khách hàng ủy thác quản lý danh mục chỉ định đầu tư, khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và các khách hàng này đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên

   c) Không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào chính Công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ trừ trường hợp sử dụng tài sản của quỹ hoán đổi danh mục để đầu tư vào chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu của chỉ số tham chiếu; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị hoặc thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;

   d) Không được sử dụng tài sản của quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác;

   e) Việc đầu tư tài sản của quỹ vào chứng khoán phái sinh phải tuân thủ quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán;

   f) Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng ủy thác về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư hoặc bảo đảm khách hàng ủy thác không bị thua lỗ trừ trường hợp đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định, không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính công ty; không trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.

4. Công ty quản lý quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.

5. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ.

Chương VII.
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Ngân hàng giám sát do Công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán.

2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát. Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty quản lý quỹ và ngược lại.

3. Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ.

4. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký.

5. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 36. Quyền, nghĩa vụ và hoạt động của Ngân hàng giám sát

1. Nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát:

   a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất cho các nhà đầu tư quỹ;

   b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng theo các quy định của pháp luật và Hợp đồng giám sát;

   c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ này;

   d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ này;

   e) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của công ty quản lý quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng giám sát và tài sản của chính Ngân hàng giám sát.

   f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ theo thỏa thuận trong Hợp đồng cung cấp dịch vụ và theo quy định pháp luật;

   g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phù hợp với các qui định pháp luật và Điều lệ này, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;

   h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ này. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban chứng khoán nhà nước;

   i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với công ty quản lý quỹ;

   j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ này;

   k) Thanh toán tiền cho Thành viên lập quỹ và nhà đầu tư khi công ty quản lý quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể, thanh toán cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật,

Điều lệ này theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ này;

l) Ngân hàng giám sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ này và hợp đồng giám sát;

2. Quyền của Ngân hàng giám sát

a) Ngân hàng giám sát được hưởng các loại giá dịch vụ, phí cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ này và phù hợp với các quy định của pháp luật;

b) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội nhà đầu tư và của Ban đại diện quỹ.

3. Hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát

a) Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty quản lý quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng giám sát phải:

(i) Phối hợp với Công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; kiểm tra, giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này;

(ii) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ với Công ty quản lý quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ. Trong trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng giám sát phải báo cáo cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Công ty quản lý quỹ trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu công ty quản lý quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;

(iii) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;

(iv) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này;

(v) Công ty quản lý quỹ có thể tùy từng thời điểm đặt tiền của Quỹ tại các ngân hàng trong danh sách đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt bằng văn bản, và Ngân hàng giám sát sẽ, khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của Công ty quản lý quỹ, đặt khoản tiền được lưu giữ bởi hoặc theo lệnh của Công ty quản lý quỹ tới ngân hàng hoặc tổ chức đó. Ngay cả với những điều kiện bao gồm ở đây Ngân hàng giám sát sẽ không chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được đặt tại ngân hàng hoặc các tổ chức khác đó và sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ sự thất thoát xảy ra do giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của ngân hàng hoặc tổ chức đó;

(vi) Giám sát các hoạt động khác của Công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán và Điều lệ này;

(vii) Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của quỹ do công ty quản lý quỹ lập.

b) Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng giám sát đối với Công ty quản lý quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.

c) Khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

d) Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà quỹ đầu tư để Ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ công ty quản lý quỹ.

e) Trường hợp công ty quản lý quỹ không tiến hành thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế quỹ theo quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC, ngân hàng giám sát có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ngân hàng giám sát gửi thông báo cho công ty quản lý quỹ. Trong trường hợp này, ngân hàng giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của công ty quản lý quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại Điều lệ quỹ.

f) Trường hợp Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, nhà đầu tư theo quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC và các quy định khác có liên quan, Ngân hàng giám sát phải phối hợp với Công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Quỹ, nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát liên đới cùng với công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

a) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;

b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát;

c) Quỹ hết thời gian hoạt động; Quỹ bị giải thể, bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập;

d) Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư của quỹ;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát được chuyển giao cho một Ngân hàng giám sát khác, ngân hàng lưu ký khác theo quy định của pháp luật.

Chương VIII.
CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 38. Các hoạt động được ủy quyền

Công ty quản lý quỹ được phép ủy quyền đối với các dịch vụ dưới đây:

1. Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:

- Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
- Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;

- Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ này;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Bản cáo bạch và hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.

2. Dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

- Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ;
- Ghi nhận các lệnh hoán đổi danh mục, lệnh mua, lệnh bán của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;
- Hỗ trợ nhà đầu tư, thành viên lập quỹ thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ;
- Duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, Đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Bản cáo bạch và hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.

Điều 39. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp.

   Tổ chức được Công ty quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp dịch vụ liên quan phải là các tổ chức được pháp luật cho phép về lĩnh vực thực hiện. Đồng thời, các tổ chức này phải tổ chức hệ thống cơ sở lưu trữ, xử lý dữ liệu đầy đủ. Hệ thống nhân sự phải có kinh nghiệm, được huấn luyện cập nhật thường xuyên và hoạt động chuyên nghiệp.

2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

   Giữa các bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền phải có quy trình nghiệp vụ lẫn nhau và phải đưa ra hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo đầy đủ, rõ ràng, theo luật định.

Điều 40. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền:

   Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc theo đúng ủy quyền đã giao phù hợp với các qui định của pháp luật và chịu trách nhiệm trên các công việc mà mình làm.

2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:

   a) Đối với dịch vụ quản trị quỹ đầu tư

   - Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
   - Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;
   - Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ này;
   - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Bản cáo bạch và hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.

   b) Đối với dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

   - Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của nhà đầu tư; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ;

- Ghi nhận các lệnh hoán đổi danh mục, lệnh mua, lệnh bán của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;
- Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ;
- Duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, Đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Bản cáo bạch và hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu:

4. Các chứng từ, sổ sách liên quan đến các dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn quy định của pháp luật. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do luật định.

5. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới nhà đầu tư và đối tác của Công ty quản lý quỹ;

6. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty quản lý quỹ.

Điều 41. Trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với quỹ;

2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty quản lý quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền, bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền.

3. Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của quỹ;

4. Công ty quản lý quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này;

5. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;

6. Xây dựng quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;

7. Công ty quản lý quỹ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư;

8. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;

9. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền;

Điều 42. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã được Công ty quản lý quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

   a) Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình ;

   b) Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản;

   c) Theo đề nghị của Công ty quản lý quỹ;

   d) Theo đề nghị của Đại hội nhà đầu tư;

   e) Quỹ bị giải thể;

   f) Quỹ sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;

   g) Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi Giấy phép về lĩnh vực thực hiện;

   h) Tổ chức nhận ủy quyền hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi Tổ chức khác.

2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao hoặc với Công ty quản lý quỹ. Tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai Tổ chức có xác nhận của Công ty quản lý quỹ.

Chương IX.
THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG

Điều 43. Điều kiện lựa chọn Thành viên lập quỹ

1. Là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh hoặc Ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký, đã ký hợp đồng lập quỹ với Công ty quản lý quỹ DCVFM.

2. Trong vòng mười hai (12) tháng gần nhất, trước tháng nộp hồ sơ đăng ký thành lập quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP, duy trì tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu đạt hai trăm hai mươi phần trăm (220%), hoặc một tỷ lệ khác cao hơn theo yêu cầu của Công ty quản lý quỹ. Ngân hàng lưu ký phải đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật về ngân hàng;

3. Đã ký hợp đồng lập quỹ với Công ty quản lý quỹ DCVFM;

4. Luôn đảm bảo được số lượng lô chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tư cách là Thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng lập quỹ đã ký với Công ty quản lý quỹ.

5. Đáp ứng các điều kiện khác (nếu có) tại hợp đồng lập quỹ.

Điều 44. Quyền và trách nhiệm của Thành viên lập quỹ

1. Quyền của Thành viên lập quỹ:

   a) Được cung cấp dịch vụ môi giới cho nhà đầu tư trong hoạt động hoán đổi danh mục theo quy định của pháp luật hiện hành. Quy định này chỉ áp dụng đối với Thành viên lập quỹ là công ty chứng khoán;

   b) Được thực hiện các giao dịch tự doanh với quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP, thông qua Công ty quản lý quỹ, theo cơ chế hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu của mình lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP và ngược lại;

   c) Được vay chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP; hoặc vay các lô chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP để hoán đổi lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Hoạt động vay chứng khoán, chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP này phải được thực hiện trên hệ thống và theo hướng dẫn của VSDC;

   d) Được thực hiện các giao dịch chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP, chứng khoán cơ cấu khi đã có lệnh đối ứng được khớp, bảo đảm có đủ tài sản tại thời điểm thanh toán giao dịch theo quy định

tại Khoản 2 Điều 44 Thông tư 98/2020/TT-BTC, ngoại trừ trường hợp quy định tại Điểm (c) Khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này.

2. Trách nhiệm của Thành viên lập quỹ:

a) Nhận lệnh giao dịch (trực tiếp hoặc thông qua Đại lý phân phối) và chuyển lệnh giao dịch của từng nhà đầu tư tới Công ty quản lý quỹ, VSDC, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Quy định này chỉ áp dụng đối với Thành viên lập quỹ là công ty chứng khoán;

b) Không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch của các nhà đầu tư. Lệnh giao dịch của nhà đầu tư phải được xử lý độc lập, tách biệt với việc xử lý các lệnh giao dịch của chính Thành viên lập quỹ. Trong giao dịch chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP trên Sở giao dịch chứng khoán, Thành viên lập quỹ phải thực hiện lệnh của nhà đầu tư trước lệnh của mình. Trong giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP, Thành viên lập quỹ chỉ được sử dụng tài sản trên tài khoản tự doanh, tài sản của chính mình để hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP, không được sử dụng tài sản của nhà đầu tư;

c) Bảo đảm nhà đầu tư có đầy đủ tiền, chứng khoán ký quỹ để thực hiện giao dịch theo quy định của pháp luật;

d) Quản lý tách biệt tài sản của nhà đầu tư trên tài khoản của từng nhà đầu tư, độc lập với tài sản của mình. Không được sử dụng tài sản của nhà đầu tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của nhà đầu tư; không được nhận ủy quyền của nhà đầu tư và thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tài khoản của các nhà đầu tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của nhà đầu tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo lệnh, chỉ thị hợp pháp và bằng văn bản của nhà đầu tư;

e) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của nhà đầu tư; cung cấp cho nhà đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty quản lý quỹ;

f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán, VSDC, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban chứng khoán nhà nước theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức này;

g) Tuân thủ các nguyên tắc hoạt động của Đại lý phân phối theo các quy định về thành lập và quản lý quỹ mở do Bộ Tài chính ban hành.

h) Trường hợp Thành viên lập quỹ bán chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP, số lượng chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP còn lại của Thành viên lập quỹ sau khi bán không thấp hơn số lượng lô chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tư cách là Thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng lập quỹ đã ký với Công ty quản lý quỹ DCVFM.

i) Các hoạt động khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này, Bản cáo bạch và Hợp đồng lập quỹ với Công ty quản lý quỹ DCVFM.

Điều 45. Tổ chức tạo lập thị trường

1. Là Thành viên lập quỹ được Công ty quản lý quỹ DCVFM lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP. Công ty quản lý quỹ DCVFM có thể chỉ định một hoặc một số Thành viên lập quỹ làm tổ chức tạo lập thị trường quỹ ETF. Công ty quản lý quỹ DCVFM có trách nhiệm gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước hợp đồng về hoạt động tạo lập thị trường ngay sau khi ký với các tổ chức tạo lập thị trường.

2. Tổ chức tạo lập thị trường phải yết các mức giá chào mua, giá chào bán chứng chỉ quỹ ETF; có trách nhiệm mua, bán chứng chỉ quỹ ETF theo mức giá yết tại các ngày giao dịch và thực hiện các nghĩa

vụ, trách nhiệm của mình theo quy định pháp luật hiện hành và Quy chế hoạt động tổ chức tạo lập thị trường do Sở giao dịch chứng khoán xây dựng và ban hành.

Chương X.
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 46. Điều kiện lựa chọn Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, đã ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP với Công ty quản lý quỹ và Thành viên lập quỹ;

2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ đáp ứng quy định pháp luật về yêu cầu của địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ;

3. Có quy trình nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muộn sau thời điểm nhận lệnh (late trading), ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai chứng chỉ quỹ (market timing) theo thông lệ quốc tế.

4. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đánh giá cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư. Trường hợp đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định pháp luật. Báo cáo đánh giá cơ sở vật chất của đại lý phân phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở công ty quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

5. Hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ phải tối thiểu bao gồm các nội dung về phạm vi hoạt động phân phối, quyền và trách nhiệm của các bên trong hợp đồng, trong đó có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật của đại lý phân phối. Công ty quản lý quỹ phải thường xuyên giám sát đại lý phân phối, chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ của đại lý phân phối là phù hợp với các điều khoản tại hợp đồng phân phối.

6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi đại lý phân phối, công ty quản lý quỹ phải thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kèm theo các tài liệu sau:

   a) Thông báo về việc thay đổi đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, địa điểm phân phối;

   b) Trường hợp bổ sung đại lý phân phối kèm theo các tài liệu: Hợp đồng đại lý phân phối ký với công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ; Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự tại các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ do công ty quản lý quỹ xác nhận (trừ trường hợp đại lý phân phối đang là đại lý phân phối của quỹ khác do công ty quản lý).

7. Trường hợp đại lý phân phối bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối hoặc hợp đồng phân phối hết hiệu lực, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo trước cho nhà đầu tư đồng thời chỉ định đại lý phân phối thay thế (nếu có).

8. Công ty quản lý quỹ chỉ được thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do mình quản lý. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cập nhật thông tin tại Bản cáo bạch và tuân thủ các quy định về đại lý phân phối. Đồng thời, công ty quản lý quỹ phải bảo đảm các nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được kiêm nhiệm làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ.

Điều 47. Hoạt động của Đại lý phân phối

1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;

2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng nhà đầu tư tới Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư; Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.

3. Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sổ chính, xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật;

4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của nhà đầu tư; cung cấp cho nhà đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty quản lý quỹ;

5. Hỗ trợ Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của nhà đầu tư;

6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban chứng khoán nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.

Chương XI.
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 48. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

Công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để trình Đại hội nhà đầu tư lựa chọn. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính cấp.

2. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.

3. Được Ủy ban chứng khoán nhà nước cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư

4. Không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.

Điều 49. Năm tài chính

1. Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm.

2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó hoặc đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 50. Chế độ kế toán & báo cáo

1. Chế độ kế toán

   Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

2. Báo cáo tài chính

a) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính định kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.

b) Báo cáo tài chính bán niên /báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên/ kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện quỹ và công bố công khai trên website của Công ty quản lý quỹ để nhà đầu tư có thể tham khảo.

3. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

Chương XII.
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ

Điều 51. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá bao gồm những nội dung sau: Nguyên tắc, quy trình chi tiết thực hiện các phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này và thông lệ quốc tế; phải rõ ràng để áp dụng thống nhất trong các điều kiện thị trường khác nhau.

2. Sổ tay định giá phải được Ban đại diện quỹ phê duyệt và cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng.

3. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ vào các ngày định giá theo nguyên tắc sau:

a) Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 52 của Điều lệ này và quy định nội bộ tại Sổ tay định giá;

b) Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành và lấy đến hai (02) số thập phân. Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ và làm tròn đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định của chế độ kế toán Quỹ. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của quỹ được hạch toán vào Quỹ.

c) Sau khi xác định giá giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, Công ty quản lý quỹ phải thông báo kết quả để ngân hàng giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng giám sát đã được Công ty quản lý quỹ chấp thuận. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng. Trong thời hạn quy định, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát (trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận. Sau khi Ngân hàng giám sát xác nhận, các giá trị tài sản ròng nêu trên phải được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá đối với kỳ định giá ngày.

d) Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp Điều lệ quỹ, sổ tay định giá và các quy định của pháp luật.

e) Công ty quản lý quỹ hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu được công ty quản lý quỹ ủy quyền có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ (iNAV) trên cơ sở giá thị trường của chứng khoán cơ cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất. Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. Giá trị tài sản ròng tham chiếu được cập nhật tối thiểu mười lăm giây một lần (15s) và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ hoặc trên hệ thống của Sở giao dịch chứng khoán.

4. Công ty quản lý quỹ bảo đảm mức sai lệch xác định theo công thức:

Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của tuần hiện tại (t) được xác định theo công thức sau:

$$TE_t = \sqrt{n}\sqrt{\frac{1}{n-1}\sum_{i=-n}^{-1}(R_i - \bar{R})^2}$$

Trong đó: R_i là mức chênh lệch giữa biến động giá trị tài sản ròng của 1 lô chứng chỉ quỹ ETF (NAV/CU) và biến động của chỉ số tham chiếu của tuần thứ i trở về trước, kể từ tuần hiện tại (t), được xác định theo công thức sau:

$$R_i = ln\left[\frac{(NAV/CU)_i}{(NAV/CU)_{i-1}}\right] - ln\left[\frac{Chỉ\ số\ tham\ chiếu_i}{Chỉ\ số\ tham\ chiếu_{i-1}}\right],$$

$$\bar{R} = \frac{1}{n}\sum_{i=-n}^{-1} R_i$$

Với n = 26.

Trường hợp thời gian hoạt động của quỹ chưa tới sáu (06) tháng, n là số tuần, kể từ tuần giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực.

5. Trường hợp mức sai lệch của quỹ ETF vượt quá 80% mức sai lệch tối đa theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán đồng thời công bố thông tin theo quy định trong thời hạn 24 giờ, ngay sau khi phát sinh sự việc. Trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày phát sinh mức sai lệch vượt quá, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư của quỹ, bảo đảm mức sai lệch không vượt quá 80% mức sai lệch tối đa.

Điều 52. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Ngày định giá:

Ngày định giá là ngày làm việc (của kỳ định giá ngày), ngày thứ Sáu hàng tuần (của kỳ định giá tuần) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá hàng tháng). Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ,, ngày nghỉ lễ, tết, ngày làm bù theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà vào ngày đó Sở Giao dịch Chứng khoán không tổ chức giao dịch chứng khoán thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó, ngoại trừ kỳ định giá tháng thì vẫn là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo. Trong trường hợp có sự thay đổi về ngày định giá, Công ty Quản lý Quỹ sẽ xin ý kiến Ban Đại Diện Quỹ và công bố thông tin trên website của Công ty.

2. Trường hợp công ty quản lý quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ thì công ty quản lý quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban đại diện quỹ trước khi thực hiện. Nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

a) Công ty quản lý quỹ: Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo

(i) Giá trị tài sản được định giá một cách chính xác, phù hợp với các quy định của pháp luật và tại Điều lệ này;

(ii) Việc định giá phải phản ánh chính xác, kịp thời và đầy đủ các giao dịch đầu tư;

(iii) Các khoản mục định giá (bao gồm cổ phiếu, tiền mặt và các khoản đầu tư khác) phải tuân thủ theo Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, Sổ tay định giá đã được Ban đại diện Quỹ thông qua.

(iv) Cổ tức, quyền mua cổ phiếu và cổ phiếu thưởng phải được hạch toán vào tài sản của quỹ theo các quy định, luật hiện hành.

(v) Những khoản chi phí, lãi và cổ tức phải được hạch toán lũy kế đến ngày liền trước ngày định giá;

(vi) Các khoản mục thuế, giá dịch vụ, phí, lệ phí cần được xem xét và điều chỉnh kịp thời theo quy định của pháp luật hiện hành;

(vii) Xác lập các mức dao động cho phép hợp lý đối với những biến động của các yếu tố quan trọng khi định giá;

(viii) Việc đối chiếu các chứng từ về tài sản của quỹ với Ngân hàng giám sát cần được thực hiện định kỳ tối thiểu mỗi tháng một lần.

b) Ngân hàng giám sát

(i) Ngân hàng giám sát phải thường xuyên kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng Công ty quản lý quỹ có nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định và hệ thống giám sát việc xác định giá chứng khoán hoặc giá trị tài sản ròng của quỹ được thực hiện theo các quy định của pháp luật và tại Điều lệ này. Việc kiểm tra, giám sát thường xuyên phải được duy trì đối với bên thứ ba được Công ty quản lý quỹ uỷ quyền thực hiện các hoạt động này;

(ii) Việc rà soát các nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá phải được thực hiện ngay sau khi hợp đồng giám sát ký với Công ty quản lý quỹ có hiệu lực;

(iii) Việc rà soát phải được thực hiện thường xuyên hơn khi Ngân hàng giám sát biết hoặc nghi ngờ rằng nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá của Công ty quản lý quỹ không đáp ứng yêu cầu;

c) Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản do Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ tại ngày trước ngày định giá.

Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường hoặc giá thị trường có biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản).

Ngân hàng giám sát sẽ thực hiện giám sát việc xác định giá tài sản ròng (bao gồm tổng tài sản và tổng nợ phải trả) của Quỹ đồng thời sẽ thực hiện kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ.

Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) = Tổng tài sản của quỹ - Tổng nợ phải trả của quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành, và được lấy làm tròn xuống đến hai (02) số thập phân.

Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ đang lưu hành và được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

d) Giá trị tài sản ròng được xác định theo phương thức sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền trong tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá.
2.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá.
3.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân (giá sạch) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo phương pháp định giá là giá Reuters (lấy theo giá Bid) gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá Reuters (giá Bid) nhiều hơn 90 ngày trước ngày định giá hoặc trong các tình huống thị trường có nhiều biến động Công ty quản lý quỹ sẽ đưa ra giá tham chiếu phù hợp nhất và trình Đại hội nhà đầu tư phê duyệt.
Trái phiếu		
5.	Trái phiếu niêm yết/ Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ giao dịch tập trung trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá yết bình quân (giá sạch) cho các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế. Trong các trường hợp sau: - không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá; hoặc - Giá yết bình quân trên có nhiều biến động bất thường quá ±0,5% so với giá tham chiếu được xác định theo phương pháp định tại mục ghi chú (*), Thì giá của trái phiếu là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá tham chiếu tại mục (*) cộng lãi luỹ kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận. (*) Giá tham chiếu sẽ theo các cách thức sau: ➢ <u>Trái phiếu chính phủ:</u> - Giá trái phiếu chính phủ (giá sạch) được xác định theo phương pháp định giá là giá Reuters (lấy theo giá Bid) gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá. - Trong trường hợp không có giá Reuters (giá Bid) nhiều hơn 90 ngày trước ngày định giá; hoặc trong các tình huống thị trường có nhiều biến động, Công ty quản lý quỹ sẽ

		dùng giá Bloomberg (giá Bid), hoặc giá Finpro, hoặc giá mua gần nhất. ➢ <u>Trái phiếu doanh nghiệp:</u> o Trái phiếu doanh nghiệp thông thường (trái phiếu trơn): có thể được áp dụng một trong các cách sau: - Giá sạch là giá được xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền dựa trên lợi suất là tổng của lãi suất tham chiếu (lãi suất tiền gửi trung bình kỳ hạn 12 tháng tại ngày gần nhất trước ngày định giá của 4 ngân hàng thương mại nhà nước) và Chênh lệch lợi suất điều chỉnh - Giá sau khi đã phân bổ chênh lệch giữa mệnh giá với giá mua (chiết khấu/ phụ trội) đối với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ và sau khi loại trừ toàn bộ phần giá trị đã được phân bổ chiết khấu/ phụ trội đến kỳ định giá liền trước của số lượng chứng khoán bán trong kỳ. - Giá quan sát được của trái phiếu tính chất tương ứng về lãi suất, thời gian đến hạn còn lại... trên thị trường trong và ngoài nước - Trong các tình huống thị trường có biến động khác, Công ty quản lý quỹ sẽ đưa ra giá tham chiếu phù hợp nhất và trình Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Ban đại diện Quỹ sẽ xác định cách áp dụng cụ thể cho từng thời điểm và ghi nhận trong Sổ tay định giá của quỹ. o Trái phiếu doanh nghiệp chuyển đổi: xác định theo nguyên tắc là tổng giá trị trái phiếu trơn và giá trị quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu, trong đó: (i) Giá trị phần trái phiếu trơn (giá sạch) được xác định bằng mệnh giá (ii) Giá trị quyền chọn được xác định theo Black-Scholes Model hoặc Binomial Tree Model (trong trường hợp có các điều khoản chuyển đổi phức tạp) Trường hợp trái phiếu trong giai đoạn từ khi đấu thầu thành công đến khi được niêm yết hoặc trái phiếu trong quá trình chờ niêm yết (đối với trái phiếu phát hành ra công chúng) hoặc chờ lên sàn giao dịch tập trung (đối với trái phiếu phát hành riêng lẻ), giá trái phiếu được xác định là giá mua cộng lãi lũy kế. Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết/ hủy đăng ký giao dịch vì lý do gần đến ngày đáo hạn thì giá được xác định bằng mệnh giá cộng lãi lũy kế. Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết vì lý do tổ chức phát hành mua lại trước hạn thì giá được xác định giá sạch được tổ chức phát hành cam kết mua lại cộng lãi luỹ kế. Các trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết vì lí do khác thì

		phương pháp xác định giá sẽ được Ban đại diện Quỹ thông qua theo từng trường hợp cụ thể.
6.	Trái phiếu không niêm yết	Giá yết (Giá sạch) trung bình các giao dịch thành công tại ngày gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt cộng lãi lũy kế. Trường hợp có một (01) tổ chức báo giá không xác định được giá thì giá trái phiếu là giá sạch trung bình của các giao dịch thành công tại ngày gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của hai (02) tổ chức báo giá cộng lãi lũy kế. Trường hợp: - Không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá; hoặc - Có đủ báo giá nhưng có từ hai (02) đến ba (03) tổ chức báo giá không xác định được giá; thì giá của trái phiếu được xác định là giá mua cộng lãi lũy kế
7.	Trái phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Việc xác định giá sẽ được Ban đại diện quỹ phê duyệt khi có phát sinh.
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán; cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết. Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. - Trường hợp cổ phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên thì định giá như trường hợp cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng trong quá trình làm thủ tục niêm yết.
9	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở Giao Dịch Chứng Khoán	Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá; + Giá mua (giá cost);

		+ Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; - Mệnh giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
12	Cổ phần, vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết)	- Giá trị trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá (của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt) tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt, là một trong các mức giá sau: + Giá trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá từ hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt; + Giá của kỳ định giá gần nhất nhưng không quá 90 ngày tính đến ngày trước ngày định giá; + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo Mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng chỉ quỹ		
13.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ của chứng chỉ quỹ đó được công bố thông tin trên website Công ty Quản lý quỹ đó; hoặc trên Sở giao dịch; hoặc trên website UBCKNN tại ngày gần nhất trước ngày định giá của Quỹ; + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá; + Giá mua (giá cost);
14.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá của Quỹ
15	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá mua; hoặc

		- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
16.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán như quy định tại điều này, thì giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày/giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đáo hạn) được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được VSDC công bố trên trang thông tin điện tử của VSDC tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
17.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
18.	Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh	Được quy định chi tiết tại mục ghi chú 3 dưới đây.
Các tài sản khác		
19.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Tùy theo từng trường hợp cụ thể, giá của các tài sản sẽ được xác định một cách phù hợp theo một trong các phương pháp sau đây: Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do ít nhất 02 (hai) tổ chức báo giá cung cấp; hoặc theo phương pháp đã được Ban đại diện chấp thuận
20	Quyền mua cổ phiếu	Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.

Ghi chú 1: Các thuật ngữ chung

- Lãi lũy kế: là khoản lãi tính từ ngày trả lãi gần nhất tới ngày trước ngày định giá.
- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương
- Lãi suất trung bình tiền gửi 12 tháng là trung bình lãi suất được công bố bởi bốn Ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước (Agribank, BIDV, Vietcombank, Vietinbank).
- Trái phiếu trơn (Clean bond) là loại trái phiếu thông thường, không đi kèm các quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.
- Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành chứng khoán vốn, cụ thể là cổ phiếu theo quyết định của trái chủ

Ghi chú 3: Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2. Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại chứng khoán	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn[1] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta[2]
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn[3] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát và được ban đại diện quỹ chấp thuận

Ghi chú:

[1] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

[2] Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

[3] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

Chương XIII.
LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 53. Thu nhập của quỹ

Thu nhập của quỹ bao gồm các khoản sau:

1. Cổ tức.
2. Lãi trái phiếu.
3. Lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi.

4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của quỹ.

5. Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản hoặc các hoạt động của Quỹ.

Điều 54. Phân phối lợi nhuận

1. Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh, quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP sẽ không phân phối lợi nhuận.

2. Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tích lũy làm gia tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Điều 55. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả

1. Giá dịch vụ quản lý quỹ

- Giá dịch vụ quản lý quỹ là 0,8% giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP/năm tài chính. Giá dịch vụ này được trả cho Công ty quản lý quỹ DCVFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP.
- Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
- Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

2. Giá dịch vụ lưu ký và giám sát

- Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Giá dịch vụ giám sát là 0,02% NAV/năm (chưa bao gồm thuế GTGT(nếu có)).
- Giá dịch vụ lưu ký tối đa là 0,05% NAV/năm.
- Mức giá dịch vụ này chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán là 100.000 đồng/giao dịch, không bao gồm các giao dịch hoán đổi.
- Mức giá dịch vụ trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho VSDC, chi phí pháp lý, phí rút chứng khoán chưa niêm yết, v.v....
- Công thức tính giá dịch vụ giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
- Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

3. Giá dịch vụ quản trị quỹ đầu tư

- Giá dịch vụ quản trị quỹ là mức giá dịch vụ do Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.
- Giá dịch vụ quản trị quỹ tối đa là 0,03% NAV/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).
- Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính giá dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
- Giá dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

4. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức giá do Quỹ chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác.
- Công thức tính giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau:
- Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho kỳ định giá = Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng tháng/ số ngày thực tế của tháng x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá
- Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng. Ngoài ra, Quỹ sẽ trả các chi phí liên quan đến việc thực hiện quyền cho VSDC theo thỏa thuận trong hợp đồng.

5. Giá dịch vụ trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu

- Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu tối đa là 0,05% NAV/năm và mức tối thiểu được quy định trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)). Giá dịch vụ này do Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP chi trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu.
- Công thức tính giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
- Giá dịch vụ trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- Mức giá dịch vụ, thời gian áp dụng và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu.

6. Giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)

- Giá dịch vụ cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu tối đa là 0,05% NAV/năm và mức tối thiểu được quy định trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)). Giá dịch vụ này do Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu.
- Công thức tính giá dịch vụ cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

  Giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- Mức giá dịch vụ, thời gian áp dụng và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu.

7. Giá dịch vụ thành viên lập quỹ tổng cộng tối đa là 0,1% giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP/năm tài chính. Giá dịch vụ này được trả cho các Công ty chứng khoán được chọn và ký hợp đồng để thực hiện các dịch vụ marketing, yết giá trên thị trường cho Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP.

- Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính giá dịch vụ thành viên lập quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

- Giá dịch vụ thành viên lập quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ thành viên lập quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và các công ty chứng khoán được chọn.

8. Các loại phí, giá dịch vụ và lệ phí khác

- Giá dịch vụ giao dịch, bao gồm chi phí môi giới, giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của quỹ phải trả cho công ty chứng khoán. Các khoản chi phí này không bao gồm bất kỳ một loại chi phí nào khác, kể cả đó là phí, giá dịch vụ trả cho dịch vụ khác hoặc phí, giá dịch vụ trả cho bên thứ ba (chi phí ngầm).
- Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán; dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ.
- Chi phí thẩm định giá trả cho các doanh nghiệp thẩm định giá;
- Chi phí dự thảo, in ấn, gửi điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, ban đại diện quỹ.
- Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ
- Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của nhà đầu tư;
- Thù lao và chi phí công tác cho Ban đại diện Quỹ;
- Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định;
- Chi về bảo hiểm (nếu có);
- Phí nộp cơ quan quản lý (phí xin giấy phép quỹ);
- Thuế, giá dịch vụ, phí, lệ phí mà quỹ phải thanh toán theo quy định của Pháp luật;
- Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ này và quy định của pháp luật;
- Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi Ngân Hàng Giám Sát hoặc các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan khác;
- Các loại giá dịch vụ, chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuỳ từng thời điểm, Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi mức giới hạn tỷ lệ tổng chi phí hoạt động của Quỹ ("TERo") (sau khi trừ các chi phí liên quan tới giao dịch đầu tư) nhằm mục đích hỗ trợ tốt nhất cho Nhà đầu tư. Chi tiết mức giới hạn TERo (nếu có) và hiệu lực áp dụng sẽ được cập nhật trong Bản cáo bạch của Quỹ và được công bố trên website của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ sẽ thay mặt Quỹ để thực hiện ký kết các hợp đồng dịch vụ hợp lý hợp lệ cho Quỹ, đảm bảo tuân thủ quy đinh của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Điều 56. Chi phí của quỹ

1. Chi phí của quỹ ETF bao gồm các khoản giá dịch vụ, phí, chi phí sau:

   a) Giá dịch vụ quản lý tài sản trả cho Công ty quản lý quỹ;

   b) Chi phí trả cho thành viên lập quỹ;

   c) Giá dịch vụ lưu ký tài sản quỹ, giá dịch vụ giám sát trả cho Ngân hàng giám sát;

   d) Giá dịch vụ quản trị quỹ đầu tư, giá dịch vụ quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư và dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các giá dịch vụ, phí khác mà Công ty quản lý quỹ trả cho VSDC, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;

e) Giá dịch vụ trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu;

f) Phí giao dịch, bao gồm chi phí môi giới, phí chuyển nhượng các giao dịch tài sản của quỹ phải trả cho công ty chứng khoán. Các khoản chi phí này không bao gồm bất kỳ một loại chi phí nào khác, kể cả đó là phí trả cho dịch vụ khác hoặc phí trả cho bên thứ ba (chi phí ngầm);

g) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán; dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ khác, thù lao trả cho Ban đại diện quỹ;

h) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;

i) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ và các chi phí khác theo quy định của pháp luật;

j) Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có) hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác.

2. Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối chịu trách nhiệm thanh toán chi phí in ấn, phát hành các ấn phẩm quảng cáo, thông tin về sản phẩm quỹ.

Chương XIV.
GIẢI THỂ QUỸ

Điều 57. Các điều kiện giải thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

a) Công ty quản lý quỹ bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty quản lý quỹ bị thu hồi mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;

b) Công ty quản lý quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công ty quản lý quỹ;

c) Ngân hàng giám sát bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng giám sát bị thu hồi mà không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;

d) Ngân hàng giám sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Ngân hàng giám sát;

e) Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới mười (10) tỷ liên tục trong sáu (06) tháng;

f) Quỹ hủy niêm yết.

g) Giải thể quỹ theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư.

2. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quỹ buộc phải giải thể theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ (trong trường hợp không có Công ty quản lý quỹ) triệu tập Đại hội nhà đầu tư để thông qua phương án giải thể quỹ.

3. Đại hội nhà đầu tư có quyền chỉ định một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, giám sát toàn bộ hoạt động thanh lý, định giá, thẩm định lại việc định giá và phân phối tài sản của quỹ cho nhà đầu tư; hoặc duy trì hoạt động của Ban đại diện quỹ đương nhiệm để thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản quỹ.

4. Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm hoàn tất việc thanh lý tài sản quỹ và phân chia tài sản quỹ cho nhà đầu tư theo phương án đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua. Trường hợp quỹ giải thể theo quy định tại Điểm (a) Khoản 1 Điều này thì Ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm thanh lý, phân chia tài sản quỹ.

5. Trừ trường hợp Đại hội nhà đầu tư có quyết định khác, kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể quỹ, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát không được:

a) Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho quỹ;

b) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của quỹ;

c) Tặng, cho tài sản của quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;

d) Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia; hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của quỹ mà không thực hiện bù trừ;

e) Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của quỹ.

6. Tài sản của quỹ đang giải thể bao gồm :

a) Tài sản và quyền về tài sản mà quỹ có tại thời điểm quỹ buộc phải giải thể;

b) Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm quỹ buộc phải giải thể;

c) Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của quỹ.

7. Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm chuyển giao danh mục chứng khoán cơ cấu cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư tại quỹ theo quy định tại Điểm (c) Khoản 9 Điều này.

8. Trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu bằng văn bản hoặc số lượng chứng chỉ quỹ quá nhỏ theo quy định tại Điều lệ này, Công ty quản lý quỹ được bán thanh lý tài sản và thanh toán tiền cho nhà đầu tư. Việc bán thanh lý tài sản là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán, hoặc giao dịch theo các phương thức khác bảo đảm lợi ích lớn nhất cho quỹ và phù hợp với phương án giải thể đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

9. Tài sản từ việc thanh lý quỹ được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước;

b) Các khoản phải trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, các khoản phải trả khác và chi phí giải thể quỹ. Trong trường hợp quỹ buộc phải giải thể theo quy định tại Điểm (a) hoặc Điểm (b) Khoản 1 Điều này, quỹ không phải thanh toán cho Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát các khoản giá dịch vụ, phí theo hợp đồng kể từ ngày phát sinh sự kiện;

c) Phần tài sản còn lại được dùng để thanh toán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư trong quỹ. Trường hợp là các tài sản đăng ký sở hữu, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm yêu cầu VSDC, tổ chức quản lý sổ cổ đông, tổ chức phát hành thực hiện việc chuyển khoản, đăng ký sở hữu tài sản cho nhà đầu tư.

10. Kết quả thanh lý tài sản của quỹ phải được xác nhận bởi Ngân hàng giám sát và Công ty quản lý quỹ, được thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập được Đại hội nhà đầu tư chỉ định theo quy định tại khoản 3 Điều này hoặc Ban đại diện quỹ thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.

Điều 58. Trình tự, thủ tục giải thể quỹ

1. Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể quỹ, Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ (trong trường hợp không có Công ty quản lý quỹ) phải thông báo việc giải thể quỹ cho Ủy ban chứng khoán nhà nước.

2. Tài liệu thông báo việc giải thể quỹ bao gồm:

a) Thông báo về việc giải thể quỹ bao gồm các nội dung theo quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC;

b) Biên bản họp và nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, kèm theo phương án, lộ trình thanh lý và phân phối tài sản đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua, trong đó nêu rõ nguyên tắc xác

định giá trị tài sản ròng tại ngày giải thể và trong thời gian quỹ thanh lý tài sản phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này và sổ tay định giá; phương thức phân phối tài sản cho nhà đầu tư và cung cấp thông tin cho nhà đầu tư về hoạt động thanh lý và phân phối tài sản;

c) Cam kết bằng văn bản được ký bởi đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ (nếu có) và Ngân hàng giám sát về việc chịu trách nhiệm hoàn tất các thủ tục thanh lý tài sản để giải thể quỹ.

3. Sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày gửi thông báo, nếu Ủy ban chứng khoán nhà nước không có ý kiến về việc giải thể quỹ, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm công bố bản thông báo về việc giải thể quỹ theo quy định pháp luật hiện hành. Đồng thời, Công ty quản lý quỹ tiến hành thực hiện trình tự, thủ tục hủy niêm yết tự nguyện, hủy đăng ký chứng chỉ quỹ theo hướng dẫn của Sở giao dịch chứng khoán, VSDC.

4. Hoạt động thanh lý tài sản, thời hạn thanh lý tài sản của quỹ thực hiện theo phương án giải thể đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua, nhưng tối đa không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày công bố bản thông báo về việc giải thể quỹ. Trong thời gian quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát và các chi phí khác được thu theo biểu giá dịch vụ, biểu phí đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua. Sau ngày giải thể quỹ, định kỳ hàng tháng, Công ty quản lý quỹ cung cấp cho nhà đầu tư thông tin về chi phí phát sinh trong kỳ, giá trị tài sản ròng còn lại của quỹ, giá trị tài sản ròng còn lại trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng còn lại trên một chứng chỉ quỹ, danh mục tài sản còn lại chưa kịp phân phối cho nhà đầu tư theo mẫu quy định pháp luật hiện hành. Thông báo gửi cho nhà đầu tư phải được cung cấp cho Ủy ban chứng khoán nhà nước kèm theo báo cáo về tài sản và báo cáo danh mục đầu tư của quỹ theo mẫu quy định của pháp luật hiện hành .

5. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc giải thể quỹ, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát (nếu không có Công ty quản lý quỹ) có trách nhiệm công bố thông tin về việc hoàn tất thanh lý, phân phối và giải thể quỹ theo quy định pháp luật hiện hành, đồng thời thông báo cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước kết quả giải thể quỹ bao gồm các tài liệu sau:

a) Báo cáo có xác nhận của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và tổ chức kiểm toán hoặc Ban đại diện quỹ (nếu có) về việc thanh lý các tài sản của quỹ, việc trả nợ và thực hiện các nghĩa vụ tài sản khác đối với các chủ nợ, những người có quyền lợi và nghĩa vụ khác, kể cả các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước. Báo cáo phải đính kèm danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, kể cả các khoản nợ về thuế;

b) Báo cáo kết quả giải thể, thành lý tài sản của quỹ có xác nhận của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và tổ chức kiểm toán hoặc Ban đại diện quỹ (nếu có) về tiến trình thanh lý tài sản, phương thức thanh lý và phân chia tài sản; tổng giá trị tài sản thu được sau khi thanh lý; tổng nợ phải thanh toán và phần tài sản còn lại để phân phối cho các nhà đầu tư theo mẫu quy định của pháp luật hiện hành Trường hợp quỹ phân chia tài sản không phải là tiền, tài liệu bổ sung bao gồm xác nhận của VSDC về việc đã hoàn tất phân bổ, đăng ký chứng khoán cho nhà đầu tư theo yêu cầu của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và nhà đầu tư; xác nhận của tổ chức quản lý sổ cổ đông, tổ chức phát hành, doanh nghiệp tiếp nhận vốn đầu tư của quỹ về việc đã hoàn tất chuyển quyền sở hữu cổ phiếu, phần vốn góp cho từng nhà đầu tư tham gia vào quỹ theo yêu cầu của Công ty quản lý quỹ;

c) Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ;

d) Báo cáo thẩm định kết quả thanh lý tài sản của tổ chức kiểm toán được Đại hội nhà đầu tư chỉ định hoặc của Ban đại diện quỹ (nếu có);

e) Xác nhận của nhà đầu tư về việc nhận đầy đủ tiền và tài sản theo đúng phương án giải thể quỹ.

6. Trường hợp thông báo kết quả giải thể không chính xác, có tài liệu giả mạo, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, những tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn ba (03) năm, kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Chương XV.
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 59. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải:

   a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý;

   b) Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý.

2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

Chương XVI.
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 60. Công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được công ty Quản lý quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban đại diện quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban đại diện quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban đại diện hoặc được gửi bằng văn bản đến địa chỉ do thành viên Ban đại diện quỹ đã thông báo cho Quỹ.

3. Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt; báo cáo tài chính đã kiểm toán; báo cáo tài chính bán niên; báo cáo hoạt động của quỹ hàng tháng, hàng năm sẽ được cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ và hệ thống Đại lý phân phối, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho nhà đầu tư.

4. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành quỹ nhận.

5. Công ty quản lý quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 61. Thay đổi Điều lệ

1. Điều lệ quỹ lần đầu do Công ty quản lý quỹ xây dựng theo mẫu quy định tại Thông tư số 98/2020/TT-BTC. Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đăng ký mua chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP được coi là đã thông qua Điều lệ lần đầu này.

2. Trường hợp sửa đổi, bổ sung Điều lệ này, Công ty quản lý quỹ phải lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư. Sau khi sửa đổi, bổ sung Điều lệ này, Công ty quản lý quỹ phải thông báo cho nhà đầu tư biết về những nội dung sửa đổi, bổ sung và cập nhật vào Điều lệ Quỹ.

Điều 62. Đăng ký Điều lệ

1. Điều lệ quỹ lần đầu bao gồm 16 Chương, 63 Điều và 03 Phụ lục có hiệu lực kể từ ngày UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP.

   Điều lệ Quỹ được bổ sung và sửa đổi lần thứ nhất bao gồm 16 Chương, 63 Điều và 03 Phụ lục theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2022 của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP ngày12/04/2023 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/04/2023.

Điều lệ Quỹ được bổ sung và sửa đổi lần thứ hai bao gồm 16 Chương, 63 Điều và 03 Phụ lục theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2023 của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 17/04/2024 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/04/2024.

Điều lệ Quỹ được bổ sung và sửa đổi lần thứ ba bao gồm 16 Chương, 63 Điều và 03 Phụ lục theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2024 của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 24/04/2025 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/04/2025.

Điều lệ Quỹ được bổ sung và sửa đổi lần thứ bốn bao gồm 16 Chương, 63 Điều và 03 Phụ lục theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2025 của Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 23/4/2026 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23/4/2026.

Các bản trích hay sao y của bản Điều lệ này do Quỹ cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện quỹ hoặc người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền của Công ty quản lý quỹ thì mới có giá trị.

2. Điều lệ này được lập thành 04 bản chính có giá trị như nhau bằng tiếng Việt Nam:

- 02 bản đăng ký tại các cơ quan Nhà nước theo luật định.
- 01 bản lưu tại văn phòng của Quỹ.
- 01 bản lưu tại văn phòng của Công ty quản lý quỹ.

Điều 63. Điều khoản thi hành

Quỹ được chính thức thành lập sau khi Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp giấy đăng ký lập Quỹ. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Đính kèm cùng Điều lệ các phụ lục sau:

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Làm tại TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2026

TM. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	TM. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ
TUQ. Tổng Giám đốc	
Nguyễn Kiên Cường	NGUYỄN BỘI HỒNG LÊ
Trưởng Bộ phận Luật và Tuân thủ	Chủ tịch Ban đại diện quỹ

Phụ Lục 1. CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM (DCVFM)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009.

Giấy phép điều chỉnh số: 88/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 30/12/2020.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Điện thoại: (028)-3825 1488 Fax: (028)-3825 1489 Website: https://dragoncapital.com.vn

Công ty quản lý quỹ DCVFM cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ này trong hoạt động quản lý quỹ;
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm;
4. Trả cho Ngân hàng giám sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo Điều lệ này;
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng giám sát các thông tin sau:

5.1 Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ;

5.2 Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;

5.3 Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ;

5.4 Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác;

6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các nhà đầu tư theo yêu cầu;
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến Công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép;
8. Không sử dụng vị thế của Công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư;
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời;
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu;
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công ty quản lý quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu;
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện Công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư;
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời;
14. Báo cáo kịp thời cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát không thống nhất;

15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ

TUQ. Tổng Giám đốc



Nguyễn Kiên Cường

Trưởng Bộ phận Luật và Tuân thủ

Phụ Lục 2. CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)

Số Giấy phép thành lập và hoạt động: 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm). Số Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/05/2015 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ này trong hoạt động giám sát;
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm;
3. Thực hiện một cách tận tuy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng giám sát đối với Quỹ;
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với Công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát;
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng giám sát, tài sản của Công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng giám sát;
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo Điều lệ này;
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư;
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm;

Đại diện Ngân hàng TNHH MTV

Standard Chartered (Việt Nam)

M.S.D.N: 0103617...
NGÂN HÀNG TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)
C.T.T.N.H.H

Nguyễn Thuỳ Linh

Phó phòng Dịch vụ nghiệp vụ giám sát Quỹ

Phụ Lục 3. CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM (DCVFM)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009

Giấy phép điều chỉnh số: 88/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 30/12/2020.

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)

Giấy phép thành lập và hoạt động: 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm) Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/05/2015 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các nhà đầu tư;
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ này trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ;
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/ vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của Nhà đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn;
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ này hoặc Bản cáo bạch.

Đại diện Công ty quản lý quỹ

TUQ. Tổng Giám đốc

Nguyễn Kiên Cường

Trưởng Bộ phận Luật và Tuân thủ

Đại diện Ngân hàng TNHH MTV

Standard Chartered (Việt Nam)

Nguyễn Thuỳ Linh

Phó phòng Dịch vụ nghiệp vụ giám sát Quỹ